

Quỹ đầu tư chứng khoán được mô tả trong Bản cáo bạch này là Quỹ được thành lập theo Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Bản cáo bạch này đã được đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày ... tháng ... năm

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ này ra công chúng chỉ có nghĩa là việc đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ này đã thực hiện theo các quy định của pháp luật liên quan, không hàm ý bảo đảm về nội dung của Bản cáo bạch cũng như mục tiêu, chiến lược đầu tư của Quỹ

BẢN CÁO BẠCH QUỸ MỞ QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU DÒNG TIỀN LINH HOẠT MB (MBAM)

Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 42/GCN-UBCK do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14/05/2024

Quỹ đầu tư dạng mở

Ngày đăng ký Bản cáo bạch với UBCKNN : 7/7/2025

Thời hạn hiệu lực của Bản Cáo bạch kể từ ngày : 23/7/2025

NƠI CUNG CẤP BẢN CÁO BẠCH

Công ty cổ phần Quản lý quỹ đầu tư MB

Đại lý phân phối chi tiết tại Phụ lục 1

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Ông/bà : LÊ QUỐC MINH

Chức vụ : Chủ tịch Hội đồng quản trị – Công ty cổ phần Quản lý quỹ đầu tư MB

Địa chỉ : Tầng 12, Tòa nhà số 21 Cát Linh, P. Cát Linh, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

Điện thoại : (84.24) 3726 2808 Fax : (84.24) 3726 2810

Email : MBAM@mbcapital.com.vn

Website : www.mbcapital.com.vn

MỤC LỤC

Trang

I.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	4
1.	Công ty cổ phần quản lý quỹ đầu tư MB	4
2.	Ngân hàng giám sát: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành..	4
II.	CÁC THUẬT NGỮ VÀ ĐỊNH NGHĨA	4
III.	CƠ HỘI ĐẦU TƯ.....	7
1.	Tình hình kinh tế vĩ mô tại Việt Nam	7
2.	Thị trường trái phiếu và cơ hội đầu tư.....	8
IV.	THÔNG TIN VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	8
1.	Các thông tin chung về Công ty quản lý quỹ	8
1.1	Cổ đông Công ty quản lý quỹ	8
1.2	Hội đồng quản trị Công ty quản lý quỹ.....	8
1.3	Ban điều hành Công ty quản lý quỹ.....	9
1.4	Người điều hành Quỹ	9
2.	Các thông tin về tình hình hoạt động của Công ty quản lý quỹ	9
2.1	Tình hình hoạt động của MB Capital	109
2.2	Các quỹ do MB Capital đang quản lý.....	10
V.	NGÂN HÀNG GIÁM SÁT	10
VI.	CÔNG TY KIỂM TOÁN	10
VII.	ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ	10
VIII.	TỔ CHỨC ĐƯỢC ỦY QUYỀN.....	11
1.	Tổ chức được ủy quyền cho hoạt động quản trị Quỹ.....	11
2.	Tổ chức được ủy quyền cho hoạt động dịch vụ đại lý chuyển nhượng	11
IX.	CÁC THÔNG TIN VỀ QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU DÒNG TIỀN LINH HOẠT MB	12
1.	Thông tin chung về Quỹ.....	12
1.1	Tên và địa chỉ liên hệ của Quỹ	12
1.2	Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ	12
1.3	Tính chất và thời gian hoạt động của Quỹ.....	12
2.	Tóm tắt Điều lệ Quỹ:.....	12
3.	Các rủi ro khi đầu tư vào quỹ.....	12
3.1.	Rủi ro thị trường	12
3.2.	Rủi ro lãi suất.....	13
3.3.	Rủi ro lạm phát	13
3.4.	Rủi ro thanh khoản.....	13
3.5.	Rủi ro pháp lý	13
3.6.	Rủi ro tín nhiệm	14
3.7.	Rủi ro xung đột lợi ích.....	14
3.8.	Rủi ro thanh toán.....	14
3.9.	Rủi ro rút vốn.....	14
X.	PHÁT HÀNH LẦN ĐẦU VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ CÁC LẦN TIẾP THEO	15
1.	Căn cứ pháp lý	15
2.	Các điểm chính của đợt Phát hành Chứng chỉ Quỹ lần đầu (IPO).....	15
3.	Giao dịch chứng chỉ quỹ các lần tiếp theo	20
XI.	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ.....	24
1.	Báo cáo tài chính	24
2.	Tình hình phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ	24
3.	Giá dịch vụ	24

4.	Các chỉ tiêu hoạt động.....	25
5.	Phương pháp tính thu nhập và kế hoạch phân chia lợi nhuận của Quý.....	25
6.	Dự báo kết quả hoạt động của Quý.....	25
7.	Thời gian và địa điểm cung cấp báo cáo hoạt động của Quý.....	25
XII.	XUNG ĐỘT LỢI ÍCH	26
XIII.	CHẾ ĐỘ BÁO CÁO.....	26
XIV.	QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ	26
XV.	CAM KẾT	26
XVI.	PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM	27

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Công ty cổ phần quản lý quỹ đầu tư MB

Ông Lê Quốc Minh	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Chu Hồng Kiên	Chức vụ: Tổng giám đốc
Bà Hoàng Nguyễn Quỳnh Trang	Chức vụ: Quyền Giám đốc tài chính

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Ngân hàng giám sát: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành

Đại diện:	Ông Nguyễn Mạnh Cường
Chức vụ:	Phó Giám đốc Chi nhánh

Theo Quyết định ủy quyền số 3825/QĐ-BIDV ngày 30/05/2025 của Người đại diện theo pháp luật Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Ngân hàng giám sát chỉ chịu trách nhiệm về các nội dung liên quan đến các dịch vụ do ngân hàng cung cấp.

Với tư cách là Ngân hàng giám sát của Quỹ đầu tư Trái phiếu Dòng tiền linh hoạt MB, trách nhiệm của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành ("Ngân hàng") được quy định theo quy định của pháp luật có liên quan và trong các hợp đồng cung cấp dịch vụ có liên quan giữa Ngân hàng với Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB (MB Capital), là công ty quản lý quỹ của Quỹ đầu tư Trái phiếu Dòng tiền linh hoạt MB và tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành.

II. CÁC THUẬT NGỮ VÀ ĐỊNH NGHĨA

Những từ và cụm từ dưới đây được định nghĩa và sẽ được dùng trong suốt Bản cáo bạch này:

"Quỹ" hay "Quỹ MBAM"	Có nghĩa là Quỹ đầu tư Trái phiếu Dòng tiền linh hoạt MB (viết tắt là "MBAM"), một quỹ đầu tư chứng khoán dạng quỹ mở, thực hiện chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng, được thành lập theo quy định của pháp luật về chứng khoán và Điều lệ Quỹ.
"Công ty Quản lý Quỹ"	Có nghĩa là Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB, được thành lập theo giấy phép thành lập và hoạt động số 21/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 15/11/2007. Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB được ủy thác quản lý Quỹ đầu tư Trái phiếu Dòng tiền linh hoạt MB, có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Quỹ.
"Ngân hàng Giám sát"	Có nghĩa là Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành ("BIDV Hà Thành"), được thành lập theo Giấy phép số 0100150619-073 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12/09/2003, thay đổi lần 12 ngày 16/06/2020 và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 510/QĐ-ĐKHĐLK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 01/08/2006, cung cấp các

	dịch vụ: (i) bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của Quỹ; các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ; (ii) thực hiện chức năng giám sát toàn bộ hoạt động quản lý tài sản của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ thực hiện. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát được quy định tại Điều lệ Quỹ và pháp luật có liên quan.
"Công ty Kiểm toán"	Là một công ty kiểm toán độc lập nằm trong danh sách công ty kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận và được Đại hội Nhà đầu tư chỉ định theo quy định của Điều lệ Quỹ và pháp luật Việt Nam để thực hiện kiểm toán hàng năm đối với tài sản của Quỹ.
"Đại lý Phân phối"	Là các tổ chức đã ký hợp đồng với công ty quản lý quỹ và/hoặc công ty quản lý quỹ; thực hiện hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ cho Quỹ được nêu rõ tại Bản cáo bạch và đảm bảo các điều kiện đăng ký hoạt động đại lý phân phối chứng chỉ quỹ mở theo quy định của pháp luật. Hoạt động, quyền và nghĩa vụ của Đại lý phân phối được quy định tại Điều lệ Quỹ và pháp luật có liên quan.
"Đại lý ký danh"	Là đại lý phân phối đứng tên chủ sở hữu tài khoản ký danh, thực hiện giao dịch chứng chỉ quỹ thay mặt cho các nhà đầu tư tại sở phụ.
"Điều lệ Quỹ"	Bao gồm văn bản này, các Phụ lục đính kèm và các sửa đổi bổ sung hợp pháp (nếu có).
"Bản cáo bạch"	Là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc chào bán và phát hành chứng chỉ quỹ của Quỹ.
"Hợp đồng giám sát"	Là hợp đồng được ký kết giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát được thông qua bởi Đại hội Nhà đầu tư của Quỹ.
"Nhà đầu tư"	Là cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài nắm giữ chứng chỉ Quỹ.
"Đại hội Nhà đầu tư"	Là đại hội của các Nhà đầu tư có quyền biểu quyết được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quỹ. Đại hội nhà đầu tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ.
"Ban Đại diện Quỹ"	Là những người đại diện cho các Nhà đầu tư, được Đại hội Nhà đầu tư bầu ra để thay mặt các Nhà đầu tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát theo quy định của Điều lệ Quỹ và pháp luật Việt Nam.
"Vốn Điều lệ Quỹ"	Là tổng số vốn bằng tiền do tất cả Nhà đầu tư thực góp tại đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng.

"Đơn vị Quỹ"	Là vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau. Mệnh giá Đơn vị Quỹ của đợt phát hành lần đầu là 10.000 đồng/đơn vị. Mỗi Đơn vị Quỹ đại diện cho phần lợi nhuận và vốn như nhau của Quỹ.
"Chứng chỉ Quỹ MBAM"	(Sau đây gọi là "Chứng chỉ quỹ") là loại chứng khoán xác nhận quyền sở hữu của Nhà đầu tư đối với một phần vốn góp tại quỹ. Mệnh giá 01 chứng chỉ quỹ là 10.000 đồng.
"Giá bán/Giá phát hành"	Là mức giá Nhà đầu tư phải thanh toán để mua một Đơn vị Quỹ. Giá bán/Giá phát hành bằng mệnh giá (trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng) cộng thêm giá dịch vụ phát hành được quy định tại Điều lệ Quỹ; hoặc bằng Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ cộng thêm giá dịch vụ phát hành đã quy định tại Điều lệ Quỹ.
"Giá mua lại"	Là mức giá mà Công ty Quản lý Quỹ phải thanh toán để mua lại từ Nhà đầu tư một Đơn vị Quỹ. Giá mua lại bằng Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ trừ đi giá dịch vụ mua lại chứng chỉ quỹ đã quy định tại Điều lệ Quỹ.
"Giá dịch vụ quản lý quỹ"	Là giá dịch vụ phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đã được quy định tại Điều lệ Quỹ.
"Giá dịch vụ phát hành"	Là giá dịch vụ mà Nhà đầu tư phải trả khi mua một Đơn vị Quỹ từ Quỹ. Giá dịch vụ phát hành tính theo tỷ lệ phần trăm giá trị giao dịch chứng chỉ quỹ được quy định tại Điều lệ quỹ.
"Giá dịch vụ mua lại"	Là giá dịch vụ mà Nhà đầu tư phải trả khi bán một Đơn vị Quỹ cho Quỹ. Giá dịch vụ mua lại tính theo tỷ lệ phần trăm Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ được quy định tại Điều lệ và được khấu trừ từ giá trị giao dịch chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư.
"Giá dịch vụ chuyển đổi"	Là giá dịch vụ mà Nhà đầu tư phải trả khi chuyển đổi giữa các chứng chỉ quỹ mở do cùng Công ty quản lý quỹ quản lý tại mỗi kỳ giao dịch. Giá dịch vụ chuyển đổi được tính theo tỷ lệ phần trăm giá trị giao dịch chứng chỉ quỹ được chuyển đổi.
"Năm tài chính"	Là mười hai tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.
"Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ (NAV)"	Là tổng giá trị tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi tổng giá trị các nghĩa vụ nợ của Quỹ tại Ngày Định giá và được xác định theo phương pháp quy định tại Phụ lục 4.
"Ngày định giá"	Là ngày mà Công ty Quản lý Quỹ xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ.

"Ngày giao dịch chứng chỉ quỹ"	Là ngày mà Công ty Quản lý Quỹ, thay mặt quỹ, phát hành, mua lại và chuyển đổi chứng chỉ Quỹ từ Nhà đầu tư theo cơ chế giao dịch của Quỹ.
"Thời điểm đóng sổ lệnh"	Là thời điểm cuối cùng mà đại lý phân phối nhận lệnh giao dịch từ Nhà đầu tư để thực hiện giao dịch tại mỗi kỳ giao dịch chứng chỉ quỹ.
"Người có Liên quan"	Có nghĩa là khái niệm "người có liên quan" theo quy định của Luật Chứng khoán.
"UBCKNN"	Có nghĩa là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam.
"Luật Chứng khoán"	Là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.

III. CƠ HỘI ĐẦU TƯ

1. Tình hình kinh tế vĩ mô tại Việt Nam

GDP năm 2024 tăng trưởng 7.09% so với năm trước. Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,27%, đóng góp 5,37%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,24%, đóng góp 45,17%; khu vực dịch vụ tăng 7,38%, đóng góp 49,46%. Mức tăng trưởng hàng quý cũng có xu hướng tăng dần trong suốt năm 2024, cho thấy nền kinh tế vẫn đang liên tục cải thiện.

Tính chung cả năm 2024, CPI tăng 3,63% so với năm trước, như vậy lạm phát đã được kiểm soát vượt mục tiêu Quốc hội giao từ đầu năm. Đây là mức lạm phát phù hợp với tình hình kinh tế – xã hội ở trong nước, hỗ trợ tích cực cho tăng trưởng kinh tế, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, là điểm sáng trong kết quả phát triển kinh tế của Việt Nam năm 2024.

Cả năm 2024, FDI đăng ký ở mức 38.23 tỷ USD, giảm 3% so với 2023, FDI giải ngân tăng 9.4% lên 25.35 tỷ USD. Giá trị giải ngân mới vốn đầu tư công năm 2024 ước đạt 77.6% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao cả năm.

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu lũy kế năm 2024 đạt 786.29 tỷ USD, tăng 15.4% so với cùng kỳ năm trước; nhập khẩu ước đạt 380.76 tỷ USD, tăng 16.7% so với cùng kỳ và xuất khẩu ước đạt 405.53 tỷ USD, tăng 14.3%.

Tình hình thị trường

Tổng giá trị TPCP phát hành thông qua đấu thầu trong năm 2024 là 330,376 tỷ đồng, tương đương 82.6% kế hoạch cả năm (400,000 tỷ đồng). Lợi suất nhích tăng trong nửa đầu năm, trong đó kỳ hạn thanh khoản 10- 15Y tăng khoảng 50 điểm cơ bản, sau đó đi ngang trong nửa cuối của năm. Thanh khoản thị trường bắt tăng trở lại sau giai đoạn thanh khoản thắt chặt 2022-2023.

Theo dữ liệu VBMA tổng hợp từ HNX và SSC, tính cả năm 2024, có 429 đợt phát hành riêng lẻ trị giá 410,544 tỷ đồng và 22 đợt phát hành ra công chúng trị giá 32,914 tỷ đồng. Khối lượng phát hành trong năm 2024 chủ yếu đến từ các ngân hàng (70%). Việc chậm thanh toán gốc và lãi vẫn tiếp diễn. Tuy nhiên, hiện tượng này đang diễn ra với tốc độ chậm hơn.

2. Thị trường trái phiếu và cơ hội đầu tư

Chúng tôi kỳ vọng, mục tiêu tăng trưởng GDP cao cùng mục tiêu ổn định các chỉ tiêu vĩ mô khác sẽ tạo điều kiện cho các hoạt động đầu tư và nhu cầu huy động vốn dài hạn. Chúng tôi cũng dự báo thị trường việc phát hành mới trái phiếu doanh nghiệp trong các quý tiếp theo sẽ sôi động hơn, đặc biệt là nửa cuối năm 2025. Số lượng tổ chức phát hành kỳ vọng sẽ tăng và đa dạng hơn về ngành nghề. Lãi suất phát hành có thể tăng nhẹ nhưng vẫn là trong môi trường lãi suất thấp để tạo điều kiện cho phát triển kinh tế. Nghị định 65/2022/NĐ-CP của Chính phủ sẽ tiếp tục tạo điều kiện cho thị trường trái phiếu phát triển chất lượng hơn.

Quy mô thị trường dần bước vào giai đoạn ổn định. Quá trình tái cơ cấu tiếp diễn với nghị định 08 trong bối cảnh thuận lợi hơn nhờ lãi suất vẫn đang ở mặt bằng thấp, thị trường trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ thứ cấp dần đi vào ổn định với lượng trái phiếu niêm yết và thanh khoản tăng.

IV. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

1. Các thông tin chung về Công ty quản lý quỹ

Tên Công ty : **Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB**

Giấy phép thành lập và hoạt động số: 21/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 15/11/2007.

Trụ sở chính : Tầng 12, Tòa nhà 21 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Điện thoại : (84.24) 3726 2808 Fax: (84.24) 3726 2810.

Văn phòng đại diện : Tầng 5, tòa nhà MB Sunny Tower, 259 Trần Hưng Đạo, Phường Cô Giang, Quận 1, TP. HCM.

Thời hạn hoạt động: 50 năm.

Vốn điều lệ : 356.174.500.000 (Ba trăm năm mươi sáu tỷ một trăm bảy mươi bốn triệu năm trăm ngàn) đồng.

1.1 Cổ đông Công ty quản lý quỹ

(a) *Cổ đông sáng lập*

- Ngân hàng TMCP Quân Đội
- Công ty TNHH Chứng khoán Thăng Long
- Ông Phan Phương Anh

(b) *Cổ đông lớn nắm giữ trên 5% vốn điều lệ*

- Ngân hàng TMCP Quân Đội
- Ngân hàng TMCP Bắc Á

1.2 Hội đồng quản trị Công ty quản lý quỹ

Ông Lê Quốc Minh

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông Minh có hơn 18 năm công tác tại MB. Ông đã nắm giữ nhiều vị trí quan trọng như Giám đốc Chi nhánh Ninh Bình; Phó Giám đốc Khối Doanh nghiệp lớn và các Định chế tài chính; Giám đốc Khối Khách hàng lớn... Hiện tại, Ông là Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Quân đội (MB).

Ông Chu Hồng Kiên*Thành viên Hội đồng quản trị*

Ông Kiên có hơn 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính Ngân hàng. Trước khi gia nhập MB Capital, ông Kiên từng là giám đốc Chi nhánh Thủ Đức Ngân hàng TMCP Quân đội.

Bà Lâm Thị Minh Thúy*Thành viên Hội đồng quản trị*

Bà Thúy có 19 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng đầu tư. Gia nhập MB từ 2006, bà từng trải qua các vị trí: Trưởng phòng ngân hàng đầu tư, Phó giám đốc khối thẩm định, Phó giám đốc khối khách hàng lớn.

1.3 Ban điều hành Công ty quản lý quỹ**Ông Chu Hồng Kiên***Tổng giám đốc*

Ông Kiên có hơn 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính Ngân hàng. Trước khi gia nhập MB Capital, ông Kiên từng là giám đốc Chi nhánh Thủ Đức Ngân hàng TMCP Quân đội

Ông Giang Trung Kiên*Phó Tổng Giám đốc*

Ông Kiên có trên 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Ngân hàng, Chứng khoán và Đầu tư. Gia nhập MB Capital từ năm 2015, ông đã từng trải qua các vị trí: Giám đốc phân tích đầu tư, Giám đốc đầu tư cho các quỹ và danh mục. Trước đó, ông Kiên từng là Giám đốc Phân tích đầu tư của Công ty Chứng khoán FPT và chuyên viên cao cấp phòng Dự án của Ngân hàng Công thương Việt Nam.

1.4 Người điều hành Quỹ**Bà Bùi Thị Trang Nhung***Giám đốc Đầu tư*

Bà Nhung có gần 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư chứng khoán. Gia nhập MBCapital từ năm 2015 với vị trí chuyên viên phân tích đầu tư cao cấp và trợ lý quản lý danh mục đầu tư, hiện bà Nhung phụ trách hoạch định, đề xuất các chiến lược và giải pháp đầu tư. Bà Nhung là thành viên hiệp hội các nhà phân tích tài chính (CFA Charter Holder) từ năm 2019.

Ông Bạch Thế Phong*Giám đốc Đầu tư*

Ông Phong có gần 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư chứng khoán. Gia nhập MB Capital vào năm 2015, Ông từng đảm nhiệm vị trí trưởng bộ phận tư vấn đầu tư. Ông Phong là thành viên hiệp hội CFA (CFA Charter Holder), thành viên của cộng đồng CFA Singapore từ năm 2019.

2. Các thông tin về tình hình hoạt động của Công ty quản lý quỹ**2.1 Tình hình hoạt động của MB Capital**

Chỉ tiêu	Đơn vị	2022	2021	2022	2023	2024
----------	--------	------	------	------	------	------

Vốn điều lệ	Tỷ đồng	323	323	323	356.1	356.1
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	157.4	87,6	157.4	32.4	71.4
Quy mô vốn quản lý	Tỷ đồng	5.604	6.492	5.604	5.584	8.992

2.2 Các quỹ do MB Capital đang quản lý

STT	Tên quỹ	Loại hình quỹ
1	Quỹ đầu tư giá trị MB Capital (MBVF)	Quỹ mở
2	Quỹ đầu tư trái phiếu MB (MBBOND)	Quỹ mở
3	Quỹ đầu tư tăng trưởng Bordier – MB Flagship (BMFF)	Quỹ mở
4	Quỹ đầu tư trái phiếu dòng tiền linh hoạt MB (MBAM)	Quỹ mở
5	Quỹ đầu tư Rhodium Venture Capital (RVCF)	Quỹ thành viên
6	Quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện An Khang	Quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện
7	Quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện Thịnh vượng	Quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện

Lưu ý: Các thông tin về hoạt động trong quá khứ của MB Capital và các quỹ do MB Capital quản lý không hàm ý đảm bảo cho khả năng hoạt động của MB Capital và các quỹ trong tương lai, cũng như không vì mục đích riêng.

V. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

- Tên ngân hàng: NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM – CHI NHÁNH HÀ THÀNH
- Tên giao dịch: NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM – CHI NHÁNH HÀ THÀNH
- Giấy phép thành lập: 0100150619-073 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12/09/2003, thay đổi lần 12 ngày 16/06/2020
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 510/QĐ-ĐKHĐLK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 01/08/2006
- Trụ sở chính: Số 74 Phố Thợ Nhuộm, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: +84 24 39411840 Fax: +84 24 39411847
- Lĩnh vực hoạt động chính: Hoạt động trung gian tiền tệ

VI. CÔNG TY KIỂM TOÁN

Việc lựa chọn tổ chức kiểm toán hàng năm cho Quỹ sẽ do Đại hội nhà đầu tư quyết định. Trong trường hợp Đại hội nhà đầu tư ủy quyền, Ban đại diện Quỹ sẽ quyết định trên cơ sở đề xuất của Công ty quản lý quỹ.

VII. ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ

Chứng chỉ quỹ sẽ được phân phối thông qua các Đại lý phân phối được liệt kê tại Phụ lục 1 của Bản cáo bạch này và trên trang thông tin điện tử của MB Capital.

VIII. TỔ CHỨC ĐƯỢC ỦY QUYỀN

Dịch vụ ủy quyền bao gồm: Dịch vụ quản trị quỹ đầu tư; Dịch vụ đại lý chuyển nhượng

1. Tổ chức được ủy quyền cho hoạt động quản trị Quỹ

- Tên ngân hàng: NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM – CHI NHÁNH HÀ THÀNH
- Tên giao dịch: NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM – CHI NHÁNH HÀ THÀNH
- Giấy phép thành lập: 0100150619-073 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12/09/2003, thay đổi lần 12 ngày 16/06/2020
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 510/QĐ-ĐKHĐLK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 01/08/2006
- Trụ sở chính: Số 74 Phố Thợ Nhuộm, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: +84 24 39411840 Fax: +84 24 39411847
- Lĩnh vực hoạt động chính: Hoạt động trung gian tiền tệ
- Phạm vi dịch vụ được ủy quyền:
 - o Ghi nhận kế toán các giao dịch của quỹ: ghi nhận biến động phản ánh dòng tiền ra, vào quỹ;
 - o Chuẩn bị báo cáo tài chính cho Quỹ; phối hợp và hỗ trợ tổ chức kiểm toán của Quỹ tiến hành hoạt động kiểm toán Quỹ;
 - o Thực hiện xác định Giá trị tài sản ròng ("GTTSR") của Quỹ và GTTSR trên một đơn vị quỹ dựa trên chính sách kế toán của Quỹ phù hợp với Điều lệ Quỹ và Bản Cáo Bạch.

2. Tổ chức được ủy quyền cho hoạt động dịch vụ đại lý chuyển nhượng

Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC)

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 112 đường Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội
- Quyết định thành lập số 189/2005/QĐ-TTg do Thủ tướng chính phủ ban hành ngày 27/07/2005.
- Lĩnh vực hoạt động chính: Đăng ký, lưu ký, bù trừ, thanh toán chứng khoán và cung cấp các dịch vụ hỗ trợ việc giao dịch mua, bán chứng khoán
- Phạm vi dịch vụ được ủy quyền: Dịch vụ đại lý chuyển nhượng:
 - o Lập và quản lý sổ chính; mở, theo dõi và quản lý hệ thống các tài khoản của nhà đầu tư; xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ Quỹ gửi cho các Đại lý phân phối;
 - o Ghi nhận và xử lý các lệnh mua, lệnh bán, lệnh chuyển đổi của nhà đầu tư; chuyển quyền sở hữu chứng chỉ quỹ; cập nhật sổ chính;
 - o Hỗ trợ nhà đầu tư thực hiện các quyền liên quan tới việc sở hữu chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư;
 - o Cung cấp thông tin về số dư trên tài khoản, thống kê giao dịch cho Công ty Quản lý Quỹ để cung cấp cho Nhà đầu tư.

- Chi phí/giá dịch vụ cho các dịch vụ được ủy quyền gồm giá dịch vụ quản trị quỹ và giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng được quy định chi tiết tại Mục **Error! Reference source not found.** Phần IX Bản cáo bạch.

IX. CÁC THÔNG TIN VỀ QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU DÒNG TIỀN LINH HOẠT MB

1. Thông tin chung về Quỹ

1.1 Tên và địa chỉ liên hệ của Quỹ

Tên đầy đủ: Quỹ đầu tư Trái phiếu Dòng tiền linh hoạt MB

Tên tiếng Anh: MB Active Money Bond Fund

Tên viết tắt: MBAM

Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà 21 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (+84.24) 3726 2808

Fax: (+84.24) 3726 2810

1.2 Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ

Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 18/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 06/03/2024.

Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ số 42/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14/05/2024.

1.3 Tính chất và thời gian hoạt động của Quỹ

Quỹ MBAM là quỹ đầu tư chứng khoán dạng mở được Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB quản lý trong suốt thời hạn hoạt động, trừ trường hợp Quỹ được chuyển giao cho công ty quản lý quỹ khác quản lý hoặc bị giải thể theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư.

Thời gian hoạt động của Quỹ là không xác định.

2. Tóm tắt Điều lệ Quỹ:

Điều lệ Quỹ tóm tắt được đính kèm tại Phụ lục 3 của Bản cáo bạch này.

3. Các rủi ro khi đầu tư vào quỹ

Việc đầu tư vào Quỹ sẽ không được bất kỳ một sự cam kết bảo lãnh bởi một tổ chức nào, cũng như không có bất kỳ sự cam kết chắc chắn nào từ Công ty Quản lý Quỹ rằng quỹ sẽ đạt được những mục tiêu đầu tư đề ra. Do đó, các nhà đầu tư tiềm năng nên cân nhắc thật kỹ những yếu tố rủi ro của quỹ, cùng với các thông tin được đề cập trong Bản cáo bạch này. Phải thừa nhận rằng, Công ty Quản lý Quỹ đã tối thiểu hóa rủi ro bằng một danh mục đầu tư đa dạng, nhưng vẫn có những rủi ro tiềm tàng khi đầu tư vào Quỹ sau đây:

3.1. Rủi ro thị trường

Rủi ro này không thể hạn chế bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và nằm ngoài khả năng kiểm soát của Công ty Quản lý Quỹ. Rủi ro này xuất phát từ những biến động chung

của toàn nền kinh tế, chính trị xã hội, đe dọa tất cả các ngành nghề kinh tế, từ đó gây ra sự biến động của toàn thị trường chứng khoán, không loại trừ bất kỳ công cụ đầu tư nào.

3.2. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là loại rủi ro xuất hiện khi có sự thay đổi của lãi suất thị trường hoặc những yếu tố có liên quan đến lãi suất, xuất phát từ cung cầu tiền tệ cùng nhiều yếu tố vĩ mô khác, dẫn đến nguy cơ biến động định giá của trái phiếu, các công cụ nợ; cũng như ảnh hưởng gián tiếp đến giá các cổ phiếu đang được Quỹ nắm giữ. Sự thay đổi về lãi suất kỳ vọng làm ảnh hưởng đến giá trị của các khoản đầu tư, qua đó làm thay đổi Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ.

3.3. Rủi ro lạm phát

Một điều lý tưởng trong hoạt động của Quỹ đầu tư là đem lại lợi nhuận vượt quá tỷ lệ lạm phát của nền kinh tế. Tỷ lệ lạm phát tăng cao làm giá trị đồng tiền suy giảm cũng như giá trị của các khoản đầu tư suy giảm. Quỹ MBAM là quỹ đầu tư chủ động, lựa chọn đánh giá các công ty có tiềm năng phát triển trung và dài hạn, từ đó tạo ra lợi suất vượt trội so với lạm phát.

3.4. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản bao gồm rủi ro thanh khoản đối với tài sản đầu tư của quỹ và rủi ro thanh khoản đối với chứng chỉ quỹ.

Đối với tài sản đầu tư của quỹ, quỹ MBAM luôn ưu tiên lựa chọn các loại chứng khoán có tính thanh khoản cao, dễ dàng thay đổi cơ cấu đầu tư phù hợp với tình hình thị trường trong từng giai đoạn hoặc chuyển đổi thành tiền mặt để thanh toán giao dịch cho Nhà đầu tư.

Đối với chứng chỉ quỹ, quỹ MBAM là quỹ mở, giao dịch hàng ngày, tạo điều kiện cho Nhà đầu tư dễ dàng tham gia đầu tư vào Quỹ và rút khoản đầu tư từ Quỹ tại các kỳ giao dịch. Tuy nhiên, số lượng mà chứng chỉ quỹ mà Quỹ có thể mua lại vào ngày giao dịch vẫn tuân theo một số hạn chế theo quy định của pháp luật để đảm bảo hoạt động ổn định của Quỹ.

3.5. Rủi ro pháp lý

Thị trường chứng khoán Việt Nam đang trong giai đoạn phát triển và khung pháp lý về chứng khoán và thị trường chứng khoán đang trong quá trình hoàn thiện. Những sự thay đổi về khung pháp lý trong thời gian hoạt động của Công ty là không thể tránh khỏi và có thể ảnh hưởng tới hiệu quả hoạt động của Quỹ.

Tuy nhiên, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 có hiệu lực thi hành từ 01/01/2021 và các văn bản hướng dẫn đã và sắp được ban hành sẽ tạo dựng một khung pháp lý ổn định và hoàn thiện hơn cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, quỹ đầu tư và quản lý quỹ, phù hợp với điều kiện phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam và tiếp cận chuẩn mực thông lệ quốc tế.

Ngoài ra, rủi ro pháp lý của Quỹ cũng sẽ được giảm thiểu do Quỹ dự kiến sẽ thuê các công ty luật có uy tín để tư vấn pháp lý cho các hoạt động của Quỹ.

3.6. Rủi ro tín nhiệm

Mức độ rủi ro tín nhiệm của trái phiếu được đánh giá dựa trên các yếu tố kinh tế và khả năng hoàn trả lãi và gốc trái phiếu của nhà phát hành. Rủi ro tín nhiệm được thể hiện qua hệ số tín nhiệm, hệ số tín nhiệm do các công ty đánh giá tín nhiệm ấn định. Hệ số tín nhiệm càng cao thì trái phiếu được coi là càng an toàn.

3.7. Rủi ro xung đột lợi ích

Công ty Quản lý Quỹ cũng sẽ gặp phải những xung đột nhất định về lợi ích giữa các quỹ đầu tư và các sản phẩm tài chính khác do Công ty Quản lý Quỹ điều hành. Công ty Quản lý Quỹ đã thiết lập quy chế kiểm soát nội bộ chặt chẽ, quy trình đầu tư cũng như bộ phận quản lý danh mục đầu tư riêng biệt cho từng quỹ nhằm hạn chế xung đột lợi ích giữa các quỹ. Bên cạnh đó, sự giám sát của ngân hàng giám sát cũng sẽ giúp giảm thiểu rủi ro này.

3.8. Rủi ro thanh toán

Rủi ro thanh toán là những rủi ro xảy ra khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc không thể chuyển giao tài sản đúng hạn như cam kết. Khi thực hiện mua trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi, gửi tiền... MB Capital thực hiện xếp hạng tín dụng, xin phê duyệt từ Ban đại diện Quỹ, phân tích, đánh giá các hoạt động kinh doanh cốt lõi của doanh nghiệp, phương án bảo lãnh, có tài sản đảm bảo ...

3.9. Rủi ro rút vốn

Hoạt động theo quy chế quỹ mở, Nhà đầu tư có thể rút vốn theo nhu cầu thông qua lệnh bán chứng chỉ quỹ. Tuy nhiên, khi có số lượng lớn các Nhà đầu tư muốn rút một lượng tiền lớn so với quy định pháp luật về tỷ lệ rút tối đa và so với quy mô thanh khoản của thị trường, việc chuyển đổi tỷ lệ lớn giá trị của Quỹ thành tiền mặt trong thời gian ngắn có thể dẫn đến giá trị tài sản đầu tư của Quỹ giảm mạnh và ảnh hưởng đến giá trị thực tế Nhà đầu tư được nhận. Do đó, nhu cầu rút vốn của Nhà đầu tư có thể sẽ chỉ được đáp ứng một phần hoặc trong thời gian chậm hơn theo quy định. Trong một số trường hợp, Nhà đầu tư có thể không được thực hiện lệnh bán chứng chỉ quỹ trong thời gian chứng chỉ quỹ bị tạm dừng giao dịch. Trong một số trường hợp, Công ty quản lý quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần lệnh bán hoặc kéo dài thời hạn thanh toán.

Khi thực hiện giao dịch bán chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư bị kéo dài hơn so với quy định do các lý do trên, Công ty quản lý quỹ sẽ công bố thông tin về lý do và thời gian dự kiến để thực hiện lệnh bán cho Nhà đầu tư.

Danh mục các yếu tố rủi ro nêu trên không phải là bảng liệt kê hay giải thích đầy đủ về các rủi ro liên quan đến việc đầu tư vào Quỹ. Các nhà đầu tư tiềm năng cần cân nhắc kỹ hoặc tham khảo ý kiến của các nhà tư vấn trước khi quyết định đầu tư vào Quỹ.

X. PHÁT HÀNH LẦN ĐẦU VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ CÁC LẦN TIẾP THEO

1. Căn cứ pháp lý

Việc thành lập và hoạt động của Quỹ đầu tư Trái phiếu Dòng tiền linh hoạt MB và các vấn đề liên quan chịu sự điều chỉnh của:

- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính Phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Các văn bản pháp luật có liên quan khác.

2. Các điểm chính của đợt Phát hành Chứng chỉ Quỹ lần đầu (IPO)

- Tên quỹ: Quỹ đầu tư Trái phiếu Dòng tiền linh hoạt MB (MBAM)
- Loại hình: Quỹ mở
- Thời hạn hoạt động: Không xác định thời hạn
- Mục tiêu, chiến lược đầu tư: Quỹ MBAM hướng tới mục tiêu tối ưu lợi nhuận đồng thời bảo toàn vốn cho Nhà đầu tư thông qua việc đầu tư vào các loại chứng khoán, công cụ thị trường tiền tệ có thu nhập cố định được phát hành tại Việt Nam. Quỹ ưu tiên đầu tư vào các tài sản có thanh khoản cao, kỳ hạn được tính toán hợp lý để đáp ứng nhu cầu sử dụng vốn linh hoạt của Nhà đầu tư.
- Lĩnh vực ngành nghề dự kiến đầu tư: Bên cạnh trái phiếu chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp, Quỹ sẽ tập trung đầu tư vào các công cụ thị trường tiền tệ bao gồm chứng chỉ tiền gửi, hợp đồng tiền gửi,..., được phát hành bởi các tổ chức tín dụng như ngân hàng, công ty tài chính. Đối với trái phiếu doanh nghiệp, Quỹ ưu tiên đầu tư vào công cụ nợ của các doanh nghiệp hoạt động chủ yếu trong các ngành

nghe sau đây (nhưng không giới hạn ở những ngành nghề này):

- a) Tài chính - ngân hàng;
- b) Viễn thông;
- c) Dịch vụ và hàng tiêu dùng;
- d) Y tế và giáo dục;
- e) Bất động sản, xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng;
- f) Các ngành nghề được pháp luật cho phép và phù hợp với chiến lược đầu tư tại từng thời điểm theo quyết định hợp lý của Công ty Quản lý Quỹ.

• Các tài sản dự kiến đầu tư:

- a) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
- b) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
- c) Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
- d) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;
- e) Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành;
- f) Chứng khoán phái sinh niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ;

- g) Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà quỹ đang nắm giữ.
- Quy trình kiểm soát rủi ro đầu tư: Thực hiện theo quy định pháp luật và quy định nội bộ của Công ty quản lý quỹ
- Cơ cấu đầu tư:
- a) Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ MBAM phải đảm bảo:
 - b) Đầu tư tối thiểu tám mươi phần trăm (80%) giá trị tài sản ròng của quỹ vào các loại trái phiếu, công cụ thị trường tiền tệ, tiền gửi có kỳ hạn và các công cụ có thu nhập cố định khác;
 - c) Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
 - d) Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) quy định tại điểm a, b mục 2.2.3 của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
 - e) Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại điểm a, b, d, e và f mục 2.2.3 phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ. Trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh tính bằng giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định pháp luật;
 - f) Không được đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại điểm e mục 2.2.3;
 - g) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ

vay và các khoản phải trả của quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của quỹ;

h) Không được đầu tư vào chứng chỉ quỹ của Quỹ;

i) Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:

- Không đầu tư vào quá mười phần trăm (10%) tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;

- Không đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;

- Không đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;

j) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm.

• Số lượng đơn vị quỹ dự kiến chào bán: 5.000.000 (năm triệu) đơn vị quỹ

• Mệnh giá: 10.000 VNĐ (mười nghìn Đồng Việt Nam)

• Giá dịch vụ phát hành: Miễn phí

• Giá phát hành lần đầu: 10.000 VNĐ (mười nghìn Đồng Việt Nam)

• Số tiền đăng kí mua tối thiểu lần đầu: 10.000 VNĐ (mười nghìn Đồng Việt Nam)

• Ngày phát hành: Được quy định trong bản thông báo phát hành sau khi Quỹ được cấp Giấy chứng nhận chào bán Chứng chỉ quỹ ra công chúng.

- Thời hạn phát hành lần đầu: Tối thiểu hai mươi (20) ngày và tối đa chín mươi (90) ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận chào bán Chứng chỉ quỹ ra công chúng có hiệu lực.
- Thời gian gia hạn phát hành: Được UBCKNN xem xét gia hạn nhưng không quá ba mươi (30) ngày sau khi kết thúc thời gian phân phối chứng chỉ quỹ.
- Phương thức phân bổ chứng chỉ quỹ lần đầu: Số lượng chứng chỉ quỹ được phân phối = Tổng số tiền đăng ký mua hợp lệ / Giá phát hành lần đầu
- Nguyên tắc phân phối chứng chỉ quỹ: Trường hợp sau khi kết thúc đợt phát hành bao gồm cả thời gian gia hạn mà tổng số tiền đăng ký mua hợp lệ thấp hơn 50 tỷ đồng hoặc có ít hơn 100 nhà đầu tư, không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp mua chứng chỉ quỹ, công ty quản lý quỹ sẽ huỷ đợt phát hành và báo cáo UBCKNN đồng thời công bố thông tin về việc huy động vốn không thành công trong vòng 24h sau khi kết thúc giai đoạn chào bán. Công ty quản lý quỹ sẽ hoàn trả toàn bộ số tiền đăng ký mua chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư đồng thời thanh toán toàn bộ chi phí phát sinh liên quan đến việc huy động vốn trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày đợt phát hành bị huỷ bỏ
- Thời hạn xác nhận sở hữu chứng chỉ quỹ: Trong vòng 05 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ có hiệu lực
- Phương thức và hình thức thanh toán: Nhà đầu tư hoặc người được uỷ quyền hợp pháp chuyển khoản vào tài khoản của Quỹ tại Ngân hàng Giám sát bằng tiền Đồng Việt Nam
- Ngày giao dịch gần nhất dự kiến sau khi kết thúc phát hành lần đầu: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ có hiệu lực
- Địa điểm phát hành và các đại lý phân phối: Công ty cổ phần quản lý quỹ đầu tư MB
Trụ sở chính: Tầng 12, Tòa nhà 21 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
Website: www.mbcapital.com.vn

- Các đối tác có liên quan đến đợt phát hành: Đại diện phát hành: Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư MB

Ngân hàng giám sát: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành

Đại lý chuyển nhượng: Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam

Đại lý phân phối: chi tiết tại mục VII

3. Giao dịch chứng chỉ quỹ các lần tiếp theo

- **Ngày giao dịch (Ngày T):** Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ định kỳ là các ngày từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần, trừ các ngày nghỉ lễ theo quy định pháp luật.
- **Giá mua:** Bằng Giá trị tài sản ròng/đơn vị quỹ cộng với (+) Giá dịch vụ phát hành.
- **Giá bán:** Bằng Giá trị tài sản ròng /đơn vị quỹ trừ (-) Giá dịch vụ mua lại (nếu có).
- **Giá dịch vụ mua lại, phát hành, chuyển đổi:** chi tiết tại mục IX.2.5.5.
- **Giá trị của lệnh mua tối thiểu:** 10.000 đồng
- **Số lượng chứng chỉ quỹ bán tối thiểu:** 1 (một) Chứng chỉ quỹ
- **Số lượng chứng chỉ quỹ chuyển đổi tối thiểu:** 10 (mười) Chứng chỉ quỹ
- **Số lượng tối thiểu để duy trì tài khoản:** Không áp dụng
- **Thời điểm chốt sổ lệnh:** 14h30 ngày giao dịch liền trước của Ngày T (T-1)
- **Thời hạn xác nhận giao dịch:** Đại lý phân phối gửi thông báo xác nhận cho nhà đầu tư trong vòng một (01) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch.
- **Thời hạn thanh toán cho nhà đầu tư:** Thời hạn thanh toán trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ.
- **Tần suất giao dịch của quỹ:** Hàng ngày
- **Địa điểm và đại lý phân phối:** chi tiết tại mục VII.
- **Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng và công bố giá trị tài sản ròng:** chi tiết tại mục IX.2.2.8.
- **Phương thức giao dịch:**
 - a. Phương thức giao dịch chung:
 - Nhà đầu tư đăng ký giao dịch chứng chỉ quỹ trực tiếp tại các địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ của các đại lý phân phối.

- Lệnh giao dịch của nhà đầu tư chỉ được chấp nhận khi phiếu lệnh đã được điền chính xác và đầy đủ các thông tin theo mẫu quy định và gửi đến đại lý phân phối trước thời điểm đóng sổ lệnh.
- Việc mua/bán chứng chỉ quỹ được thực hiện dưới hình thức chuyển khoản trực tiếp từ/đến tài khoản của nhà đầu tư.
- Trong trường hợp tài khoản của nhà đầu tư có số dư bằng không và không có bất kỳ giao dịch nào trong vòng một năm, tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ MBAM của nhà đầu tư sẽ tự động bị khóa cho đến khi nhà đầu tư yêu cầu kích hoạt lại tài khoản và cập nhật những thông tin mới trên tài khoản tại các Đại lý phân phối.

b. Lệnh mua:

- Nhà đầu tư lần đầu giao dịch chứng chỉ quỹ phải mở tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ theo quy định tại từng thời kỳ
- Nhà đầu tư điền đầy đủ thông tin vào "Giấy đăng ký mua", đồng thời xuất trình chứng từ hợp lệ xác nhận nhà đầu tư đã chuyển tiền vào Tài khoản của Quỹ tại Ngân hàng giám sát trước thời điểm đóng sổ lệnh.
- Giá trị giao dịch đăng ký của Nhà đầu tư không nhỏ hơn giá trị mua tối thiểu là mười nghìn (10.000) đồng.
- Nhà đầu tư thanh toán giao dịch mua Chứng chỉ Quỹ bằng chuyển khoản trực tiếp từ tài khoản đứng tên nhà đầu tư hoặc từ tài khoản của người được ủy quyền.
- Số lượng chứng chỉ Quỹ được phân phối:

Tổng số tiền đăng ký mua hợp lệ x (1 – Giá dịch vụ phát hành (%))

Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tại ngày giao dịch

- Số lượng đơn vị Quỹ được phân phối được làm tròn tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.
- Xác nhận giao dịch: được Đại lý phân phối chuyển tới nhà đầu tư trong vòng một (01) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch chứng chỉ Quỹ. Xác nhận giao dịch mua cũng đồng thời xác nhận quyền sở hữu đối với số lượng đơn vị quỹ nhà đầu tư mua được.
- Lệnh mua của nhà đầu tư không hợp lệ trong các trường hợp sau:
 - o Đến 14h30 ngày giao dịch liền trước Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ tiền thanh toán mua chứng chỉ quỹ không được chuyển vào tài khoản của Quỹ;
 - o Tiền mua chứng chỉ quỹ nộp bằng tiền mặt hoặc do bên thứ ba không phải là người được ủy quyền chuyển khoản đến tài khoản của Quỹ.
 - o Trong trường hợp lệnh mua của nhà đầu tư không hợp lệ, tiền thanh toán mua chứng chỉ quỹ này sẽ được chuyển trả ngược lại vào tài khoản chuyển đến, phí chuyển tiền sẽ được trừ vào khoản tiền hoàn trả này.

- Trong trường hợp tiền thanh toán mua chứng chỉ quỹ nhiều hơn số tiền đăng ký giao dịch hoặc lệnh mua không hợp lệ, số tiền chênh lệch (giữa số tiền thanh toán và số tiền đăng ký mua) sẽ được hoàn trả vào tài khoản thụ hưởng của nhà đầu tư đăng ký trên phiếu đăng ký mở tài khoản giao dịch chứng chỉ Quỹ trong vòng bảy (07) ngày kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ. Phí chuyển tiền sẽ do nhà đầu tư chịu.

c. Lệnh bán:

- Nhà đầu tư điền đầy đủ thông tin vào "Giấy đăng ký bán" và gửi tới đại lý phân phối trước thời điểm đóng sổ lệnh.
- Số lượng đơn vị quỹ mà nhà đầu tư đặt bán có thể là số lẻ ở dạng thập phân, tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.
- Nhà đầu tư có thể đặt lệnh bán toàn bộ số chứng chỉ Quỹ đang nắm giữ hoặc một phần nhưng phải đảm bảo số lượng chứng chỉ quỹ đăng ký bán tối thiểu.
- Trường hợp lệnh bán của Nhà đầu tư chỉ được thực hiện một phần theo quy định tại Phần IX mục 2.4.5 Bản cáo bạch này làm cho số dư còn lại trên tài khoản của Nhà đầu tư thấp hơn số lượng đơn vị quỹ tối thiểu duy trì tài khoản thì số lượng còn lại trong tài khoản này sẽ được tự động ưu tiên bán hết vào phiên giao dịch kế tiếp. Phần còn lại của các lệnh bán (gồm cả lệnh bán từ hoạt động chuyển đổi) chưa được thực hiện hết sẽ bị hủy bỏ. Nhà đầu tư có nhu cầu bán phải đăng ký trong các kỳ giao dịch tiếp theo.
- Giá trị thanh toán mua lại = số lượng chứng chỉ Quỹ đăng ký bán hợp lệ * Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ x (1 – Giá dịch vụ mua lại (%)).
- Nhà đầu tư sẽ nhận được số tiền bằng giá trị thanh toán mua lại sau khi khấu trừ các khoản thuế theo Luật hiện hành và phí chuyển tiền.
- Xác nhận giao dịch: được Đại lý phân phối chuyển tới nhà đầu tư trong vòng 01 ngày làm việc kể từ ngày giao dịch chứng chỉ Quỹ.
- Thanh toán tiền bán chứng chỉ quỹ: thời hạn thanh toán trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ.

d. Lệnh chuyển đổi:

- Nhà đầu tư có thể chuyển đổi một phần hoặc toàn bộ chứng chỉ quỹ giữa các Quỹ mở do cùng Công ty Quản lý Quỹ quản lý.
- Công ty Quản lý Quỹ sẽ cập nhật các quy định liên quan đến loại giao dịch này trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ và tại các đại lý phân phối.

e. Hủy lệnh giao dịch:

- Nhà đầu tư được phép hủy lệnh giao dịch trước thời điểm đóng sổ lệnh tại ngày giao dịch liền trước của Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ (T-1) theo nhu cầu của nhà đầu tư.

- Trường hợp nhà đầu tư hủy lệnh mua nhưng số tiền thanh toán lệnh mua đã được chuyển tới tài khoản của Quỹ thì số tiền này sẽ được hoàn trả vào tài khoản đã đăng ký của nhà đầu tư. Phí chuyển tiền sẽ do Nhà đầu tư chịu.

f. Đáp ứng một phần lệnh bán:

Công ty Quản lý Quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần lệnh bán, lệnh chuyển đổi của Nhà đầu tư khi xảy ra một trong các trường hợp sau :

- o Tổng giá trị các lệnh bán (kể cả lệnh bán từ hoạt động chuyển đổi) trừ đi tổng giá trị các lệnh mua (kể cả lệnh mua từ hoạt động chuyển đổi) tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ lớn hơn 10% giá trị tài sản ròng của Quỹ; hoặc
- o Việc thực hiện toàn bộ lệnh giao dịch của Nhà đầu tư dẫn tới:
 - Giá trị tài sản ròng của Quỹ xuống dưới năm mươi (50) tỷ đồng; hoặc
 - Giá trị tài sản ròng còn lại hoặc số đơn vị quỹ còn lại của Quỹ thấp hơn giá trị tài sản ròng tối thiểu đã được quy định tại Điều lệ Quỹ và Bản cáo bạch; hoặc
- o Việc bán chứng khoán lấy tiền mặt để đáp ứng toàn bộ lệnh của Nhà Đầu Tư không thể thực hiện được do:
 - Tính thanh khoản của thị trường thấp; hoặc
 - Một (hoặc nhiều) chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ bị đình chỉ giao dịch do quyết định của sở giao dịch chứng khoán.

Đối với trường hợp này, Công ty Quản lý Quỹ chỉ được đáp ứng một phần lệnh bán, lệnh chuyển đổi của Nhà đầu tư sau khi được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
- o Các trường hợp khác theo quy định pháp luật.

Trong trường hợp thực hiện một phần lệnh bán, lệnh chuyển đổi theo quy định tại điểm này, Công ty Quản lý Quỹ được quyền áp dụng nguyên tắc cùng một tỷ lệ: phần giá trị được thực hiện sẽ được phân bổ cho tất cả các nhà đầu tư đăng ký giao dịch theo cùng một tỷ lệ giữa giá trị thực hiện và giá trị đăng ký giao dịch.

Đối với trường hợp quy định tại gạch đầu dòng thứ nhất điểm này, Công ty Quản lý Quỹ được kéo dài thời hạn thanh toán tối đa ba mươi (30) ngày sau khi được Ban đại diện quỹ chấp thuận, kể từ ngày giao dịch Chứng chỉ quỹ.

g. Tạm dừng giao dịch:

Công ty Quản lý Quỹ có thể tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

- Công ty Quản lý Quỹ không thể thực hiện việc mua lại chứng chỉ quỹ theo yêu cầu do nguyên nhân bất khả kháng;
- Công ty Quản lý Quỹ không thể xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ vào ngày định giá mua lại chứng chỉ quỹ chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ bị đình chỉ giao dịch theo quyết định của Sở giao dịch chứng khoán;
- Các sự kiện khác mà Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xét thấy là cần thiết.

XI. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán của Quỹ được Công ty Quản lý Quỹ cập nhật hàng năm sau khi được Đại hội Nhà đầu tư thông qua trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ tại địa chỉ www.mbcapital.com.vn.

2. Tình hình phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ

Thông tin phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ được công bố và cập nhật trong các báo cáo định kì của Quỹ. Nhà đầu tư có thể tham khảo các báo cáo được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ tại địa chỉ www.mbcapital.com.vn.

3. Giá dịch vụ

3.1. Giá dịch vụ giao dịch chứng chỉ quỹ do Nhà đầu tư trả

3.1.1. Giá dịch vụ phát hành

Giá dịch vụ phát hành là số tiền dịch vụ mà nhà đầu tư phải trả khi mua Chứng chỉ quỹ và được tính theo tỷ lệ phần trăm tổng giá trị đăng ký mua chứng chỉ quỹ. Giá dịch vụ phát hành tối đa bằng năm phần trăm (5%) giá trị giao dịch.

3.1.2. Giá dịch vụ mua lại

Giá dịch vụ mua lại là số tiền dịch vụ nhà đầu tư phải trả khi bán một đơn vị quỹ cho quỹ và được khấu trừ khi quỹ thanh toán tiền bán chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư. Giá dịch vụ mua lại được căn cứ vào thời hạn nắm giữ chứng chỉ quỹ và được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch thực hiện được. Giá dịch vụ mua lại tối đa bằng ba phần trăm (3%) giá trị giao dịch.

3.1.3. Giá dịch vụ chuyển đổi quỹ

Giá dịch vụ chuyển đổi là số tiền dịch vụ nhà đầu tư phải trả khi giao dịch chuyển đổi chứng chỉ quỹ giữa các chứng chỉ quỹ mở do Công ty Quản lý Quỹ quản lý tại mỗi kỳ giao dịch. Giá dịch vụ chuyển đổi chứng chỉ quỹ được tính trên giá trị giao dịch chứng chỉ quỹ chuyển đổi thực hiện được. Nhà đầu tư không phải trả Giá dịch vụ mua lại và Giá dịch vụ phát hành khi thực hiện chuyển đổi các loại chứng chỉ quỹ. Giá dịch vụ chuyển đổi tối đa bằng ba phần trăm (3%) giá trị chuyển đổi thực hiện được.

3.2. Giá dịch vụ quản lý quỹ, giá dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ, đại lý chuyển nhượng, thù lao cho Ban đại diện Quỹ, các chi phí khác và thưởng hoạt động

3.2.1. Giá dịch vụ quản lý quỹ

Giá dịch vụ quản lý là 1,5%/năm tính trên tổng Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ và được thanh toán hàng tháng cho Công ty Quản lý Quỹ để thực hiện các dịch vụ quản lý quỹ đầu tư cho Quỹ.

3.2.2. Giá dịch vụ giám sát

Giá dịch vụ giám sát là 0,02%/năm tính trên tổng Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ. Tối thiểu là 5 triệu đồng mỗi tháng (chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có)).

3.2.3. Giá dịch vụ lưu kí

Giá dịch vụ lưu ký là 0,05%/năm tính trên tổng Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ. Tối thiểu là 15 triệu đồng mỗi/ tháng (chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có)).

3.2.4 Giá dịch vụ quản trị quỹ

Giá dịch vụ quản trị quỹ là 0,03%/năm tính trên tổng Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ và được thanh toán hàng tháng. Tối thiểu là 15 triệu đồng mỗi/ tháng (chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có)).

3.2.5. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng bao gồm giá dịch vụ cố định hàng tháng là mười hai triệu đồng/ một tháng (chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có)).

3.2.6. Giá dịch vụ kiểm toán

Giá dịch vụ kiểm toán nằm trong ngân sách hoạt động của Quỹ và được Đại hội Nhà đầu tư phê duyệt hàng năm. Giá dịch vụ kiểm toán được xác định hàng năm vào cuối năm tài chính của Quỹ.

3.2.7. Thù lao cho Ban đại diện Quỹ

Mức thù lao cho Ban đại diện Quỹ do Đại hội Nhà đầu tư quyết định và thông qua.

3.2.8. Các chi phí khác của Quỹ

Vui lòng tham khảo Phụ lục 3 Bản cáo Bạch này.

3.2.9. Thưởng hoạt động

Quỹ không áp dụng chính sách thưởng hoạt động.

4. Các chỉ tiêu hoạt động

Báo cáo các chỉ tiêu hoạt động của Quỹ, gồm tỉ lệ chi phí hoạt động thực tế, tốc độ vòng quay danh mục cùng các chỉ tiêu khác được Công ty Quản lý Quỹ cập nhật định kì trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ tại địa chỉ www.mbcapital.com.vn.

5. Phương pháp tính thu nhập và kế hoạch phân chia lợi nhuận của Quỹ

Vui lòng tham khảo tại Phụ lục 3 Bản cáo bạch này.

6. Dự báo kết quả hoạt động của Quỹ

Các dự báo về tình hình kinh tế vĩ mô và thị trường chứng khoán nêu trong Bản cáo bạch này không hàm ý đảm bảo về kết quả hoạt động trong tương lai của Quỹ.

7. Thời gian và địa điểm cung cấp báo cáo hoạt động của Quỹ

Báo cáo hoạt động của Quỹ được cung cấp định kỳ theo quy định pháp luật trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ tại địa chỉ www.mbcapital.com.vn.

XII. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ MBAM và các quỹ khác, các khách hàng đầu tư ủy thác của Công ty quản lý quỹ và giữa Quỹ và công ty quản lý quỹ được thực hiện dựa trên những điểm sau:

- Tách biệt chiến lược đầu tư, mục tiêu đầu tư của mỗi Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ quản lý;
- Tách biệt tài sản của Công ty Quản lý Quỹ với tài sản của các Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ quản lý, tài sản của Nhà đầu tư ủy thác; tách biệt tài sản của các Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ quản lý;
- Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Ban điều hành, nhân viên của công ty quản lý quỹ phải được báo cáo và kiểm soát phù hợp với quy định của pháp luật ;
- Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, giám sát việc xung đột lợi ích trong Công ty Quản lý Quỹ.

XIII. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

1. Việc công bố thông tin thực hiện thông qua một trong các phương tiện thông tin đại chúng dưới đây:
 - a) Trên các ấn phẩm, trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý Phân phối; hoặc
 - b) Các phương tiện thông tin đại chúng khác phù hợp với quy định của pháp luật.
2. Công ty quản lý quỹ thực hiện công bố thông tin liên quan đến hoạt động của Quỹ theo quy định của pháp luật.
3. Công ty Quản lý Quỹ phải công bố hoặc cung cấp cho Nhà đầu tư các tài liệu quỹ gồm Bản cáo bạch, các báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động và các báo cáo khác theo quy định của pháp luật.
4. Các tài liệu quy định tại khoản 3 Phần này phải được cung cấp miễn phí cho Nhà đầu tư trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty Quản lý Quỹ, hoặc gửi trực tiếp qua thư điện tử.

XIV. QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

Các yêu cầu hỗ trợ của Nhà đầu tư sẽ được giải quyết tại văn phòng của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư MB hoặc các đại lý phân phối trong giờ làm việc.

MB Capital sẵn sàng giải đáp mọi thắc mắc của Nhà đầu tư qua số điện thoại (024) 3726 2808 (Ext 17/32) hoặc gửi email tới địa chỉ MBAM@mbcapital.com.vn.

XV. CAM KẾT

Công ty quản lý quỹ cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của nội dung thông tin và các tài liệu đính kèm trong Bản cáo bạch này.

XVI. PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM

1. Danh sách các Đại lý phân phối chính thức của Quỹ.
2. Quy trình và các hướng dẫn đăng ký giao dịch chứng chỉ quỹ.
3. Tóm tắt Điều lệ quỹ đầu tư

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Giang Trung Kiên

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Tên ngân hàng giám sát: Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành;

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100150619-073 cấp lần đầu ngày 12/09/2003, thay đổi lần thứ 12 ngày 16/06/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp;

Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán số: 510/QĐ-ĐKHĐLK ngày 01/08/2006 do UBCKNN cấp;

Chúng tôi, với tư cách là Ngân hàng giám sát của Quỹ Đầu tư Trái phiếu Dòng tiền Linh hoạt MB sẽ chịu trách nhiệm theo các quy định trong phạm vi Hợp Đồng Cung Cấp Dịch Vụ lưu ký giám sát của Quỹ được ký kết giữa chúng tôi với Công ty cổ phần quản lý quỹ đầu tư MB, và các quy định về Ngân hàng giám sát trong Điều lệ, Bản cáo bạch của Quỹ.

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN
CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Mạnh Cường

Phụ lục 1: Danh sách các Đại lý phân phối chính thức của Quỹ

1. Công ty cổ phần quản lý quỹ đầu tư MB

- Trụ sở chính: Tầng 12, Tòa nhà 21 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
- Website: www.mbcapital.com.vn
- Địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ của MB Capital:
MB Capital – Trụ sở chính
Tầng 12, Tòa nhà 21 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
Tel: (84.24) 3726 2808

2. Công ty cổ phần Digi Invest

- Trụ sở chính: Tầng 2, tòa Golden West, số 2 đường Lê Văn Thiêm, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
- Website: digiinvest.vn
- Địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ của ĐLPP:
MB Capital – Trụ sở chính
Tầng 2, tòa Golden West, số 2 đường Lê Văn Thiêm, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
Tel: (84.24) 7300.1662

3. Công ty cổ phần chứng khoán VPBank (VPBankS)

- Trụ sở chính: Tầng 25, Tòa nhà thương mại, số 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Website: www.vpbanks.com.vn
- Địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ của VPBankS:
VPBankS – Trụ sở chính
Tầng 25, Tòa nhà thương mại, số 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Tel: 1900636679

4. Công ty cổ phần Fincorp

- Trụ sở chính: 176/1 - 176/3 Đường Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Website: fincorp.vn
- Địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ của Fincorp:
Fincorp – Trụ sở chính
176/1 - 176/3 Đường Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: (84.28) 3636 1079

Phụ lục 2: Quy trình và các hướng dẫn đăng ký giao dịch chứng chỉ quỹ

A. Mở tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ

- Nhà đầu tư cần hoàn tất các thủ tục mở tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ (sau đây gọi là "Tài khoản GD") tại các Đại lý Phân phối chỉ định trước khi thực hiện giao dịch Chứng chỉ Quỹ. Nhà đầu tư có thể mở nhiều Tài khoản GD tại các Đại lý Phân phối khác nhau để giao dịch Chứng chỉ Quỹ với điều kiện là tại mỗi Đại lý Phân phối thì Nhà đầu tư chỉ có một Tài khoản GD. Các tài khoản GD tại các Đại lý Phân phối khác nhau của cùng một Nhà đầu tư được quản lý độc lập. Do đó, mỗi Tài khoản GD của Nhà đầu tư mở tại mỗi Đại lý Phân phối phải đảm bảo tuân thủ các quy định liên quan, bao gồm cả quy định về đảm bảo số dư Đơn vị Quỹ tối thiểu và các giá trị/số lượng đăng ký giao dịch tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Quỹ và Bản cáo bạch một cách độc lập.
- Hồ sơ và quy trình mở Tài khoản GD tại Đại lý Phân phối thực hiện theo quy định của Đại lý Phân phối đó. Hồ sơ mở tài khoản phải tuân thủ quy định pháp luật có liên quan, bao gồm cả các quy định về KYC, PCRT, Hiệp định giữa Việt Nam và Hoa Kỳ về FATCA. Nhà đầu tư cần cung cấp hồ sơ và các thông tin theo quy định đầy đủ và trung thực. Tài khoản GD chỉ được mở sau khi Nhà đầu tư cung cấp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ theo quy định.
- Quy định thêm đối với Nhà đầu tư nước ngoài:
 - Nhà đầu tư nước ngoài đầu tư và giao dịch Chứng chỉ Quỹ phải tuân thủ pháp luật Việt Nam về thuế, quản lý ngoại hối, hoạt động đầu tư chứng khoán của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán và pháp luật nước sở tại của Nhà đầu tư (nếu có).
 - Nhà đầu tư nước ngoài có thể cần mở tài khoản vốn đầu tư gián tiếp bằng tiền Đồng Việt Nam tại một ngân hàng thương mại và chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép kinh doanh và hoạt động cung ứng dịch vụ ngoại hối tại Việt Nam ("Tài khoản IICA") và cần xin cấp mã số giao dịch chứng khoán trước khi mở tài khoản và thực hiện giao dịch Chứng chỉ Quỹ. Tất cả các giao dịch thu chi liên quan đến hoạt động đầu tư gián tiếp nước ngoài tại Việt Nam của Nhà đầu tư nước ngoài (bao gồm, nhưng không giới hạn giao dịch mua/bán Chứng chỉ Quỹ, nhận cổ tức, mua ngoại tệ để chuyển vốn, lợi nhuận và các nguồn thu hợp pháp ra nước ngoài, v.v.) đều phải được thực hiện thông qua Tài khoản IICA này.
 - Nhà đầu tư nước ngoài có nghĩa vụ tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam về quản lý ngoại hối và cần tham khảo ý kiến ngân hàng nơi Nhà đầu tư mở tài khoản về yêu cầu mở Tài khoản IICA, các vấn đề liên quan đến các giao dịch thu chi liên quan đến hoạt động đầu tư và giao dịch Chứng chỉ Quỹ (bao gồm, nhưng không giới hạn giao dịch thu từ bán Chứng chỉ Quỹ, nhận cổ tức và các khoản lợi ích khác thu được từ hoạt động đầu tư và giao dịch Chứng chỉ Quỹ, giao dịch chi mua ngoại tệ), việc chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài và tài liệu xác minh dòng tiền. Công ty Quản lý quỹ và Đại lý Phân phối không chịu bất kỳ trách nhiệm nào liên quan đến việc ngân hàng của Nhà đầu tư từ chối thực hiện các giao dịch thu chi liên quan đến hoạt động đầu tư và giao dịch Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư thông qua Tài khoản IICA.

B. Giao dịch Chứng chỉ Quỹ

- Đăng ký giao dịch:
 - Nhà đầu tư phải hoàn tất và gửi phiếu lệnh hợp lệ đến Đại lý Phân phối trước Thời điểm chốt sổ lệnh. Phiếu lệnh phải được điền đầy đủ thông tin bắt buộc theo yêu cầu, không tẩy xóa, chỉnh sửa thông tin. Phiếu lệnh không có đủ hồ sơ, thông tin theo yêu cầu, có yếu tố đáng ngờ hoặc phạm quy định của pháp luật, Công ty Quản lý quỹ hoặc Đại lý Phân phối về KYC, PCRT hoặc FATCA có thể bị từ chối thực hiện. Công ty Quản lý quỹ và Đại lý Phân phối có toàn quyền chấp nhận hoặc từ

chối phiếu lệnh giao dịch căn cứ theo quy định của Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch này và các quy định pháp luật có liên quan.

- Đăng ký giao dịch trong từng trường hợp cụ thể như sau
 - Giao dịch mua/bán/chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ: Nhà Đầu tư gửi phiếu lệnh và thanh toán tiền mua Chứng chỉ Quỹ theo quy định tại Mục 3, Chương X của Bản cáo bạch.
 - Việc hủy lệnh giao dịch phải được thực hiện theo quy định tại Mục 3.e, Chương X của Bản cáo bạch.
- Chốt sổ lệnh và thực hiện các lệnh giao dịch:
 - Việc chốt sổ lệnh thực hiện theo quy định tại Mục 3, Chương X của Bản cáo bạch.
 - Các lệnh giao dịch có thể bị trì hoãn, từ chối thực hiện, không được thực hiện hoặc chỉ được thực hiện một phần, hoặc bị tạm dừng theo các quy định có liên quan tại Mục 3.f, Chương X của Bản cáo bạch.
 - Xác nhận giao dịch: Vào Ngày Giao dịch, việc gửi xác nhận giao dịch cho Nhà đầu tư được thực hiện theo quy định tại Mục 3, Chương X của Bản cáo bạch.
- Thanh toán giao dịch:

Việc thanh toán tiền bán cho Nhà đầu tư trong giao dịch bán Chứng chỉ Quỹ, xử lý tiền mua trong các giao dịch không hợp lệ cũng như xử lý việc thanh toán trong các trường hợp khác sẽ được thực hiện theo các quy định có liên quan tại Mục 3, Chương X của Bản cáo bạch.

Phụ lục 3: Tóm tắt Điều lệ

1.1 Các điều khoản chung

1.1.1 Nguyên tắc tổ chức hoạt động của Quỹ

Quỹ MBAM là quỹ đại chúng dạng mở. Quỹ có nghĩa vụ mua lại chứng chỉ quỹ đã phát hành cho Nhà đầu tư theo quy định của pháp luật.

Cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ là Đại hội Nhà đầu tư.

Ban Đại diện Quỹ do Đại hội Nhà đầu tư bầu ra để giám sát các hoạt động của Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát và thực thi các quyền hạn khác theo Điều lệ Quỹ và quy định Pháp luật.

Công ty Quản lý Quỹ do Đại hội Nhà đầu tư chỉ định để quản lý và điều hành hoạt động hàng ngày của Quỹ.

Ngân hàng Giám sát do Công ty Quản lý Quỹ đề xuất và được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận để bảo quản, lưu ký và giám sát tài sản và hoạt động của Quỹ.

Thời gian hoạt động của Quỹ được tính kể từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

1.1.2 Tổng vốn huy động và số lượng chứng chỉ quỹ chào bán

Vốn Điều lệ huy động trong đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng của Quỹ tối thiểu là 50.000.000.000 Đồng Việt Nam. Số vốn này được chia thành các đơn vị quỹ, tối thiểu là 5.000.000 chứng chỉ quỹ.

Mệnh giá của Đơn vị Quỹ là 10.000 Đồng Việt Nam (Mười nghìn Đồng Việt Nam).

Giá trị của một Đơn vị Quỹ tại một thời điểm nhất định bằng Giá trị Tài sản Ròng chia cho tổng số Đơn vị Quỹ tại thời điểm đó.

1.1.3 Chỉ định đại diện huy động vốn và chào bán chứng chỉ quỹ

Đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ được chỉ định là đại diện huy động vốn và chào bán chứng chỉ Quỹ ra công chúng.

1.2 Các quy định về mục tiêu, chính sách và hạn chế đầu tư của Quỹ

1.2.1 Mục tiêu đầu tư:

Quỹ MBAM hướng tới mục tiêu tối ưu lợi nhuận đồng thời bảo toàn vốn cho Nhà đầu tư thông qua việc đầu tư vào các loại chứng khoán, công cụ thị trường tiền tệ có thu nhập cố định được phát hành tại Việt Nam. Quỹ ưu tiên đầu tư vào các tài sản có thanh khoản cao, kỳ hạn được tính toán hợp lý để đáp ứng nhu cầu sử dụng vốn linh hoạt của Nhà đầu tư.

1.2.2 Chiến lược đầu tư:

a) Quỹ định hướng xây dựng một danh mục đa dạng các công cụ nợ, công cụ thị trường tiền tệ bao gồm nhưng không giới hạn bởi các loại tài sản như sau: các loại trái phiếu chính phủ; trái phiếu được chính phủ bảo lãnh thanh toán; trái phiếu doanh nghiệp niêm yết và chưa niêm yết theo quy định của pháp luật; chứng chỉ tiền gửi; hợp đồng tiền gửi và các công cụ thị trường tiền tệ khác.

b) Để đạt được mục tiêu đề ra, Quỹ áp dụng phương thức đầu tư đi từ trên xuống "Top-Down Approach", trong đó việc đầu tư và phân bổ tài sản sẽ dựa trên những đánh giá tổng thể về

kinh tế vĩ mô, chính sách của nhà nước, xu hướng lãi suất, cũng như tình hình kinh doanh và an toàn tín dụng của tổ chức phát hành. Quỹ cũng sử dụng phương pháp tiếp cận đầu tư đi từ dưới lên "Bottom Up Approach" trong việc lựa chọn từng tài sản đầu tư cụ thể thông qua việc đánh giá phân tích chuyên sâu tổ chức phát hành, khả năng bị tác động của tổ chức phát hành trước các biến động của thị trường.

c) Công ty Quản lý Quỹ sẽ đánh giá những chuyển động của thị trường trái phiếu, thị trường tiền tệ để phân bổ tỷ trọng trái phiếu, các công cụ thị trường tiền tệ và tiền mặt ở một tỷ lệ thích hợp, vừa đảm bảo khả năng sinh lời, vừa đảm bảo khả năng thanh khoản của quỹ.

d) Quỹ sẽ linh hoạt phân bổ tài sản tùy theo điều kiện thị trường và tùy thuộc vào các cơ hội đầu tư sẵn có. Định hướng quỹ sẽ đầu tư 100% tài sản của quỹ vào tài sản có thu nhập cố định, quỹ sẽ không mua cổ phiếu, tuy nhiên có thể thực hiện quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu hoặc thực hiện quyền mua cổ phiếu nếu quyền này được phát hành kèm trái phiếu. Trong mọi trường hợp, giá trị cổ phiếu mà Quỹ nắm giữ sẽ không vượt quá 20% tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ.

1.2.3 Tài sản được phép đầu tư

- a) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
- b) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
- c) Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
- d) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;
- e) Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành;
- f) Chứng khoán phái sinh niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ;
- g) Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà quỹ đang nắm giữ.

Việc đầu tư vào các tài sản quy định tại điểm e khoản này phải đáp ứng các điều kiện sau:

- a) Đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện;
- b) Có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành.

1.2.4 Cơ cấu đầu tư

Bên cạnh trái phiếu chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp, Quỹ sẽ tập trung đầu tư vào các công cụ tiền tệ bao gồm chứng chỉ tiền gửi, hợp đồng tiền gửi,..., được phát hành bởi các tổ chức tín dụng như ngân hàng, công ty tái chính. Đối với trái phiếu doanh nghiệp, Quỹ sẽ ưu tiên đầu tư vào các công cụ nợ của các doanh nghiệp hoạt động chủ yếu trong các ngành nghề sau đây (nhưng không giới hạn ở những ngành nghề này):

- a) Tài chính - ngân hàng;
- b) Viễn thông;
- c) Dịch vụ và hàng tiêu dùng;
- d) Y tế và giáo dục;
- e) Bất động sản, xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng;
- f) Các ngành nghề được pháp luật cho phép và phù hợp với chiến lược đầu tư tại từng thời điểm theo quyết định hợp lý của Công ty Quản lý Quỹ.

1.2.5 Các hạn chế đầu tư

- a. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ MBAM phải đảm bảo:
 - i. Đầu tư tối thiểu tám mươi phần trăm (80%) giá trị tài sản ròng của quỹ vào các loại trái phiếu, công cụ thị trường tiền tệ, tiền gửi có kỳ hạn và các công cụ có thu nhập cố định khác;
 - ii. Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
 - iii. Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) quy định tại điểm a, b mục 2.2.3 của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
 - iv. Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại điểm a, b, d, e và f mục 2.2.3 phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ. Trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phải sinh tính bằng giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định pháp luật;
 - v. Không được đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại điểm e mục 2.2.3;
 - vi. Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của quỹ;
 - vii. Không được đầu tư vào chứng chỉ quỹ của Quỹ;
 - viii. Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
 - Không đầu tư vào quá mười phần trăm (10%) tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - Không đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - Không đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - ix. Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;
- b. Cơ cấu đầu tư của Quỹ chỉ được vượt mức so với các hạn chế đầu tư quy định tại điểm ii, iii, iv, v và viii điểm a mục này và chỉ do các nguyên nhân khách quan như sau:
 - i. Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
 - ii. Thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp của Quỹ theo quy định pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của Nhà đầu tư;

- iii. Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;
- iv. Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ điều chỉnh;
- v. Quỹ đang trong thời gian giải thể.
- c. Trong thời hạn ba (03) tháng kể từ ngày có các sai lệch phát sinh do các nguyên nhân quy định tại tiết i, ii, iii, iv điểm b mục này, Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư cho phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều này.
- d. Trường hợp sai lệch là do công ty quản lý quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định pháp luật hoặc Điều lệ quỹ, Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày phát hiện sai lệch. Công ty Quản lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại (nếu có) và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến điều chỉnh lại danh mục đầu tư. Nếu phát sinh lợi nhuận phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ.
- e. Quỹ thực hiện đầu tư gián tiếp ra nước ngoài theo quy định của pháp luật về đầu tư sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho phép đầu tư gián tiếp ra nước ngoài và bảo đảm các nguyên tắc sau:
- Quỹ đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;
 - Quỹ chỉ được đầu tư gián tiếp ra nước ngoài vào các tài sản đã được quy định tại Điều lệ quỹ và phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
 - Quỹ không được đầu tư quá hai mươi (20%) giá trị tài sản ròng của quỹ ra nước ngoài và không vượt quá hạn mức đầu tư đăng ký đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác nhận.
 - Cơ cấu đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, điều chỉnh hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của quỹ phải tuân thủ quy định về cơ cấu đầu tư, hạn mức đầu tư, điều chỉnh hạn mức đầu tư theo các quy định tại Điều này.
- f. Công ty Quản lý Quỹ chỉ được gửi tiền và đầu tư công cụ thị trường tiền tệ quy định tại điểm a, b mục 2.2.3 của các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban đại diện quỹ phê duyệt.
- g. Các giao dịch mua, bán chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán cho Quỹ phải được thực hiện thông qua hệ thống giao dịch tập trung của Sở giao dịch chứng khoán.
- h. Đối với các giao dịch vào các tài sản được phép đầu tư theo phương thức thỏa thuận (trừ trường hợp giao dịch thực hiện trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán), Công ty Quản lý Quỹ phải bảo đảm:
- Được sự chấp thuận bằng văn bản của Ban đại diện quỹ về khoảng giá dự kiến, thời điểm thực hiện, đối tác giao dịch hoặc tiêu chí xác định đối tác giao dịch, loại tài sản giao dịch trước khi thực hiện giao dịch;
 - Trường hợp mức giá thực tế mua cao hơn hoặc giá bán thực tế thấp hơn giá tham chiếu của các tổ chức cung cấp báo giá hoặc vượt quá khoảng giá đã được chấp thuận theo quy định tại gạch đầu dòng thứ nhất điểm này, Công ty Quản lý Quỹ phải giải thích rõ lý do để Ban đại diện quỹ xem xét, quyết định.

1.2.6 Hoạt động vay, cho vay và giao dịch ký quỹ

- a. Công ty Quản lý Quỹ không được sử dụng vốn và tài sản của Quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào.
- b. Công ty Quản lý Quỹ không được phép vay để đầu tư, trừ trường hợp vay ngắn hạn theo quy định của pháp luật về ngân hàng để trang trải các chi phí cần thiết cho Quỹ hoặc thực hiện thanh toán các giao dịch chứng chỉ quỹ với nhà đầu tư. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của Quỹ không được quá năm phần trăm (5%) Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa là ba mươi (30) ngày.
- c. Công ty Quản lý Quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ để thực hiện các giao dịch ký quỹ (vay mua chứng khoán) cho Quỹ hoặc cho bất kỳ cá nhân, tổ chức khác; không được sử dụng tài sản của Quỹ thực hiện các giao dịch bán khống, cho vay chứng khoán.
- d. Quỹ được thực hiện giao dịch mua bán lại công cụ nợ của Chính phủ theo quy định của Bộ Tài chính về quản lý giao dịch công cụ nợ của Chính phủ.

1.2.7 Phương pháp lựa chọn đầu tư

- a. Dựa trên nhận định của Công ty Quản lý quỹ về tình hình kinh tế vĩ mô và xu hướng lãi suất, Công ty Quản lý quỹ sẽ thực hiện phân bổ tài sản hợp lý nhằm đạt được mục tiêu của Quỹ.
- b. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với tài sản là tiền gửi, công cụ thị trường tiền tệ, giấy tờ có giá, trái phiếu chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương: Áp dụng phương pháp tiếp cận từ trên xuống (Top Down Approach) theo đó việc phân bổ tài sản sẽ dựa trên những đánh giá toàn diện về xu thế của kinh tế vĩ mô, chính sách của nhà nước, tình thanh khoản của các kỳ hạn.
- c. Đối với trái phiếu doanh nghiệp sẽ áp dụng phương pháp tiếp cận đầu tư từ dưới lên (Bottom Up Approach), theo đó việc lựa chọn từng trái phiếu cụ thể sẽ dựa trên những nghiên cứu yếu tố cơ bản của tổ chức phát hành. Quỹ sẽ xem xét đầu tư vào trái phiếu của tổ chức phát hành có tình hình tài chính, lịch sử tín dụng, có tài sản đảm bảo và phương án sử dụng vốn tốt.

1.2.8 Nguyên tắc, phương thức xác định giá trị tài sản ròng

- a. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng và giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ
 - i. Ngày định giá:

Giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định vào Ngày định giá theo quy định pháp luật. Ngay sau khi Ngân hàng Giám sát xác nhận việc xác định Giá trị Tài sản Ròng và Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ là phù hợp với các quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ, Giá trị Tài sản Ròng và Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị quỹ sẽ được công bố công khai cho Nhà đầu tư theo quy định hiện hành.
 - ii. Phương pháp xác định Giá trị tài sản ròng và giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ
 - o Giá trị Tài sản Ròng (NAV): là Tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi Tổng nợ phải trả có liên quan (như phải trả mua chứng khoán, phải trả giá dịch vụ quản lý, giá dịch vụ giám sát, giá dịch vụ lưu ký, giá dịch vụ môi giới, giá dịch vụ hành chính, giá dịch vụ định giá,...) tại ngày trước Ngày định giá.

Tại Ngày định giá, Công ty Quản lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ được ủy quyền sẽ tiến hành việc xác định Giá trị Tài sản Ròng của quỹ theo các nguyên tắc sau đây:

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1.	Tiền (VND)	Số dư tiền tại ngày trước ngày định giá
2.	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước ngày định giá
3.	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá
4.	Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu có thời hạn còn lại tới thời điểm đáo hạn dưới 3 tháng và các công cụ thị trường tiền tệ khác	Giá mua cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.
	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	Giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo hoặc mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trúng thầu hoặc một lãi suất khác do Ban đại diện quỹ quy định và thời gian nắm giữ công cụ.
Trái phiếu		
5.	Trái phiếu niêm yết	- Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán cho các giao dịch mua bán thông thường (outright) tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế (nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế); - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá hoặc chỉ có các giao dịch với giá có nhiều biến động bất thường theo quy định tại Sở tay định giá và đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản, là một trong các mức giá sau: + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc

		+ Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.
6.	Trái phiếu không niêm yết	- Giá yết (giá sạch) (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi suất cuống phiếu tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc - Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc - Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện chấp thuận.
Cổ phiếu		
7.	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội	- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.
9.	Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom	- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.

10.	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	Là một trong các mức giá sau: + Giá trị sổ sách; hoặc + Mệnh giá; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.
11.	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	Là một trong các mức giá sau: - 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.
12.	Cổ phần, phần vốn góp khác	Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định là một trong các mức giá sau: + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.
Chứng khoán phái sinh		
13.	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá
14.	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá	Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.
Chứng chỉ quỹ		
15.	Chứng chỉ quỹ đại chúng niêm yết	- Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá;

		- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, giá được xác định là một trong các mức giá sau: + Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ của quỹ đó được công bố thông tin trên website công ty quản lý quỹ đó; hoặc trên Sổ giao dịch; hoặc trên website UBCKNN theo chi tiết tại Sổ tay định giá; + Giá mua (giá cost); + Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
16.	Chứng chỉ quỹ đại chúng không niêm yết	- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tại ngày định giá gần nhất của chứng chỉ quỹ đó trước ngày định giá
Các tài sản khác		
17.	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất - trước ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.

Ghi chú:

- Lãi lũy kế là: khoản lãi tính từ thời điểm trả lãi gần nhất tới thời điểm trước ngày định giá;
- Giá trị sổ sách (book value) của một cổ phiếu được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.
- Giá trị thanh lý của một cổ phiếu được xác định bằng giá trị vốn chủ sở hữu của tổ chức phát hành chia cho tổng số cổ phiếu đang lưu hành.
- Tổ chức định giá được lựa chọn hệ thống báo giá (Reuters/Bloomberg/VNBF) để tham khảo.
- Tại phần này, ngày được hiểu là ngày theo lịch.
- o Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc các nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước ngày định giá.
- o Giá trị tài sản ròng (NAV) = Tổng tài sản có của quỹ - Tổng nợ phải trả của quỹ
- o Giá trị Tài sản Ròng của một Đơn vị quỹ bằng Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ chia cho tổng số Đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá.

- o Giá trị Tài sản Ròng được làm tròn theo quy định trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Phần dư phát sinh từ việc làm tròn Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ được hạch toán vào Quỹ.
- iii. Giá trị cam kết từ các hợp đồng phái sinh:
 - o Giá trị cam kết (global exposure) là giá trị quy đổi ra tiền mà quỹ là bên có nghĩa vụ phải thực hiện hợp đồng. Giá trị cam kết được xác định trên cơ sở giá trị thị trường của tài sản cơ sở, rủi ro thanh toán, biến động thị trường và thời gian cần thiết để thanh lý vị thế.
 - o Khi tính giá trị cam kết, công ty quản lý quỹ được áp dụng:
 - Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh (trái chiều) đối với cùng một chứng khoán cơ sở, ví dụ vị thế mua quyền chọn mua chứng khoán XYZ làm giảm bớt (bù trừ) giá trị cam kết từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;
 - Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh và vị thế giao ngay của cùng một chứng khoán, ví dụ vị thế mua (nắm giữ) chứng khoán XYZ bù trừ (làm giảm bớt) giá trị cam kết phát sinh từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;
 - Các nguyên tắc khác theo thông lệ quốc tế, bảo đảm quản trị được rủi ro.

STT	Loại tài sản	Giá trị cam kết
1	Quyền chọn cổ phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua, mua quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn ¹ điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng × Khối lượng cổ phiếu trên mỗi hợp đồng × giá thị trường hiện tại của cổ phiếu × hệ số delta ²
2	Quyền chọn trái phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua, mua quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn ³ điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng × mệnh giá × giá thị trường hiện tại của trái phiếu × hệ số delta
3	Hợp đồng tương lai chỉ số	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng × giá trị tính trên một điểm chỉ số × mức chỉ số hiện tại
4	Hợp đồng tương lai trái phiếu	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng × giá trị của hợp đồng tính theo mệnh giá (notional) × giá trị thị trường của trái phiếu rẻ nhất có thể chuyển giao
5	Các hợp đồng khác	Theo mô hình do Công ty quản lý quỹ lựa chọn, thống nhất cùng ngân hàng giám sát, và được Ban đại diện quỹ chấp thuận

Ghi chú:

¹ Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

² Hệ số delta là đạo hàm bậc nhất của giá quyền chọn đối với giá chứng khoán cơ sở. Trong trường hợp đơn giản, hệ số delta có thể coi bằng 1. Trong các trường hợp quyền chọn phức tạp, hệ số delta do công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát xác định sau khi đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận

³ Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

b. Quy trình định giá tài sản Quỹ

- i. Vào ngày định giá, Công ty quản lý quỹ hoặc Tổ chức cung cấp dịch vụ được ủy quyền thực hiện xác định Giá trị Tài sản Ròng và Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị quỹ các theo các nguyên tắc định giá hợp lý quy định tại Phần I Phụ lục này.
- ii. Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ, Giá trị Tài sản Ròng trên một đơn vị quỹ được chuyển cho Ngân hàng Giám sát xác nhận. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản, hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân hàng Giám sát đã được Công ty Quản lý Quỹ chấp thuận.
- iii. Trường hợp bị định giá sai, Ngân hàng Giám sát phải thông báo và yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ điều chỉnh trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ.
- iv. Trong ngày làm việc tiếp theo của ngày định giá, Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ, Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị quỹ phải được công bố thông tin theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

1.3 Đặc trưng của chứng chỉ quỹ đầu tư

1.3.1 Nhà đầu tư:

- Nhà đầu tư của Quỹ bao gồm tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, sở hữu ít nhất 01 chứng chỉ quỹ trở lên. Nhà đầu tư không chịu trách nhiệm pháp lý hoặc nghĩa vụ khác với Quỹ ngoài trách nhiệm trong phạm vi số Chứng chỉ Quỹ mà họ sở hữu.
- Nhà đầu tư tổ chức bao gồm các tổ chức kinh tế, xã hội được pháp luật Việt Nam công nhận. Nhà đầu tư tổ chức cử người đại diện hợp pháp đại diện cho số chứng chỉ Quỹ mà mình sở hữu. Việc đề cử, hủy bỏ hay thay thế người đại diện này phải được thông báo bằng văn bản do người đại diện có thẩm quyền của nhà đầu tư tổ chức ký.

1.3.2 Quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư

a. Nhà đầu tư có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- i. Hưởng lợi từ hoạt động đầu tư của Quỹ tương ứng với tỷ lệ góp vốn;
- ii. Hưởng các lợi ích và tài sản được chia hợp pháp từ việc thanh lý tài sản Quỹ;
- iii. Yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ mua lại Chứng chỉ Quỹ hoặc chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ;
- iv. Khởi kiện Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát hoặc tổ chức liên quan nếu tổ chức này vi phạm quyền, lợi ích hợp pháp của Nhà đầu tư;
- v. Thực hiện quyền của mình thông qua Đại hội nhà đầu tư;
- vi. Quyền được đối xử công bằng, mỗi chứng chỉ quỹ đều tạo cho người sở hữu quyền, nghĩa vụ, lợi ích ngang nhau;
- vii. Quyền tự do chuyển nhượng Chứng chỉ quỹ, trừ trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ;
- viii. Quyền được tiếp cận đầy đủ các thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của quỹ;
- ix. Quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp Đại hội nhà đầu tư và thực hiện quyền biểu quyết dưới hình thức trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực

hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác);

- x. Tuân thủ Điều lệ Quỹ;
 - xi. Chấp hành quyết định của Đại hội Nhà đầu tư;
 - xii. Thanh toán đầy đủ tiền mua số chứng chỉ quỹ trong thời hạn quy định tại Điều lệ Quỹ và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Quỹ trong phạm vi số tiền đã thanh toán khi mua chứng chỉ quỹ; và
 - xiii. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật về chứng khoán và tại Điều lệ Quỹ.
- b. Nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư sở hữu từ năm phần trăm (5%) trở lên tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành có các quyền sau đây
- i. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các Nghị quyết của Ban đại diện quỹ, báo cáo tài chính năm và các báo cáo của Ngân hàng Giám sát liên quan đến hoạt động của quỹ;
 - ii. Yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ triệu tập họp Đại hội Nhà đầu tư bất thường trong các trường hợp sau:
 - Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát vi phạm quyền của nhà đầu tư hoặc nghĩa vụ của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền quy định tại Điều lệ Quỹ, hợp đồng giám sát hoặc được giao bởi Đại hội Nhà đầu tư, gây tổn thất cho Quỹ;
 - Ban đại diện quỹ đã hết nhiệm kỳ trên 06 tháng mà chưa được bầu thay thế;
 - Các trường hợp khác theo quy định pháp luật;
 - iii. Yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát giải trình các vấn đề bất thường liên quan đến tài sản và hoạt động quản lý, giao dịch tài sản của quỹ. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát phải trả lời nhà đầu tư;
 - iv. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội Nhà đầu tư. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty Quản lý Quỹ chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Việc chấp thuận hoặc từ chối kiến nghị thực hiện theo quy định tại Điều 142 Luật doanh nghiệp.
 - v. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ quỹ.
- c. Nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư sở hữu từ mười phần trăm (10%) trở lên tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành có các quyền đề cử người vào Ban đại diện quỹ. Trình tự, thủ tục đề cử áp dụng tương tự theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp áp dụng đối với việc đề cử người vào Hội đồng quản trị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% trở lên tổng số cổ phần phổ thông.
- d. Yêu cầu, kiến nghị của Nhà đầu tư hoặc nhóm Nhà đầu tư theo quy định tại điểm b, c mục này phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số Giấy chứng minh thư nhân dân hoặc Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập đối với Nhà đầu tư là tổ chức; số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ và thời điểm nắm giữ của từng Nhà đầu tư, tổng số chứng chỉ quỹ của cả nhóm nhà đầu tư và tỷ lệ sở hữu trong tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của Quỹ; nội dung yêu cầu, kiến nghị; căn cứ và lý do. Trường hợp triệu tập Đại hội Nhà đầu tư bất thường theo quy

định tại tiết II điểm b, phải kèm theo các tài liệu xác minh lý do việc triệu tập Đại hội Nhà đầu tư bất thường; hoặc các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ Quỹ, hợp đồng giám sát.

1.3.3 Sổ đăng ký sở hữu chứng chỉ quỹ

- a. Công ty Quản lý Quỹ thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng lập và quản lý Sổ đăng ký Nhà đầu tư chính (Sổ chính) hoặc ủy quyền đại lý ký danh lập, quản lý Sổ đăng ký Nhà đầu tư phụ (Sổ phụ) và xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ cho Nhà đầu tư. Sổ đăng ký Nhà đầu tư có thể là văn bản hoặc tệp dữ liệu điện tử hoặc cả hai.
- b. Đại lý ký danh được lập, quản lý sổ phụ trên cơ sở hợp đồng ký với công ty quản lý quỹ. Chi phí quản lý sổ phụ không được hạch toán vào Quỹ.
- c. Sổ chính phải có các thông tin sau:
 - i. Tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty quản lý quỹ; tên, địa chỉ trụ sở chính của ngân hàng giám sát; tên đầy đủ của Quỹ;
 - ii. Tổng số chứng chỉ quỹ được quyền chào bán, tổng số chứng chỉ quỹ đã bán và tổng vốn huy động được cho Quỹ
 - iii. Danh sách nhà đầu tư bao gồm:
 - Đối với cá nhân: Họ và tên; số giấy chứng minh nhân dân, căn cước công dân, hoặc số hộ chiếu còn hiệu lực hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác; Địa chỉ liên lạc, số điện thoại liên lạc, địa chỉ liên lạc; email (nếu có);
 - Đối với tổ chức: tên đầy đủ, tên viết tắt, tên giao dịch, số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính; họ và tên, số giấy chứng minh nhân dân, căn cước công dân hoặc số hộ chiếu còn hiệu lực hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác, điện thoại liên lạc, số điện thoại liên lạc, địa chỉ email (nếu có) của cá nhân được tổ chức ủy quyền giao dịch chứng chỉ quỹ;
 - Số tài khoản lưu ký chứng khoán (nếu có);
 - Số tài khoản của Nhà đầu tư hoặc số tiểu khoản kèm theo số tài khoản ký danh; Mã số đăng ký giao dịch chứng khoán (đối với Nhà đầu tư nước ngoài);
 - Số lượng Chứng chỉ Quỹ sở hữu; tỷ lệ sở hữu; ngày đăng ký mua và ngày thanh toán.
 - iv. Ngày lập Sổ đăng ký nhà đầu tư.
- d. Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng phải luôn có đầy đủ thông tin về sở hữu của từng Nhà đầu tư, kể cả nhà đầu tư giao dịch trên tài khoản ký danh. Thông tin về tài sản của Nhà đầu tư trên Sổ chính là bằng chứng xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư. Quyền sở hữu của Nhà đầu tư được xác lập kể từ thời điểm thông tin về sở hữu của Nhà đầu tư được cập nhật tại Sổ chính.

1.3.4 Quyền biểu quyết của Nhà đầu tư

Mỗi Đơn vị Quỹ sẽ có một quyền biểu quyết. Ngân hàng Giám sát, Công ty Quản lý quỹ, công ty kiểm toán, công ty luật cung cấp dịch vụ cho Quỹ được quyền tham gia Đại hội Nhà đầu tư nhưng không được biểu quyết.

1.3.5 Các trường hợp hợp nhất, sáp nhập, thanh lý, giải thể quỹ

- a. Việc hợp nhất, sáp nhập quỹ chỉ được tiến hành trong các trường hợp pháp luật quy định và được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận.
- b. Việc hợp nhất, sáp nhập quỹ phải được UBCKNN chấp thuận.
- c. Việc giải thể Quỹ được tiến hành trong các trường hợp sau đây:
 - i. Công ty Quản lý Quỹ bị giải thể, phá sản, hoặc bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động mà Ban Đại diện Quỹ không xác lập được Công ty Quản lý Quỹ thay thế trong vòng hai (02) tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện;
 - ii. Ngân hàng Giám sát bị giải thể, phá sản, đơn phương chấm dứt hợp đồng giám sát hoặc bị Công ty Quản lý Quỹ chấm dứt hợp đồng giám sát; hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán bị thu hồi mà Công ty Quản lý Quỹ không xác lập được Ngân hàng Giám sát thay thế trong vòng hai (02) tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện;
 - iii. Giải thể Quỹ theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư;
 - iv. Giá trị Tài sản Ròng của quỹ xuống dưới mười (10) tỷ đồng liên tục trong sáu (06) tháng.
- d. Việc thanh lý, giải thể quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật.

1.4 Cơ chế giao dịch chứng chỉ quỹ

1.4.1 Cơ chế chung về giao dịch chứng chỉ quỹ

- a. Chứng chỉ quỹ được giao dịch lần đầu trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày Quỹ được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ và được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch.
- b. Chứng Chỉ Quỹ được giao dịch hàng ngày vào các ngày từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần, trừ các ngày nghỉ lễ tết theo quy định của pháp luật.
- c. Việc giảm tần suất giao dịch sẽ được Đại hội nhà đầu tư thông qua và luôn đảm bảo tần suất giao dịch không được ít hơn hai (02) lần trong một tháng theo quy định của pháp luật.
- d. Thời điểm đóng sổ lệnh là 14h30 ngày giao dịch liền trước Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ (T-1). Lệnh mua/ bán/ chuyển đổi chỉ được thực hiện nếu các lệnh này đã được Đại lý phân phối nhận trước thời điểm đóng sổ lệnh trong mỗi kỳ giao dịch chứng chỉ quỹ. Lệnh nhận sau thời điểm đóng sổ lệnh sẽ tiếp tục có giá trị để thực hiện tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ kế tiếp.
- e. Nhà đầu tư lần đầu giao dịch chứng chỉ quỹ phải mở tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ và cung cấp các thông tin nhận biết Nhà đầu tư theo yêu cầu của Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý Phân phối đã được quy định chi tiết tại Bản Cáo Bạch.
- f. Lệnh giao dịch phải được gửi tới đại lý phân phối đã được công bố tại bản cáo bạch. Lệnh giao dịch của Nhà đầu tư chỉ được chấp nhận khi phiếu lệnh đã được điền chính xác và đầy đủ các thông tin theo mẫu quy định. Trường hợp nhận lệnh giao dịch của Nhà đầu tư qua điện thoại, fax, lệnh giao dịch trực tuyến qua internet hoặc các phương tiện điện tử, đường truyền khác, Đại lý Phân phối phải tuân thủ các quy định pháp luật về giao dịch điện tử và lưu trữ phiếu lệnh theo hình thức tệp dữ liệu điện tử.

1.4.2 Lệnh mua chứng chỉ quỹ

- a) Giá trị mua tối thiểu là mười nghìn (10.000) đồng.
- b) Nhà đầu tư thực hiện thanh toán tiền mua chứng chỉ quỹ bằng hình thức chuyển khoản tới tài khoản của Quỹ hoặc tài khoản tiền gửi thanh toán giao dịch chứng chỉ quỹ của

đại lý ký danh mở tại Ngân hàng giám sát. Trường hợp lệnh mua chứng chỉ quỹ và việc thanh toán cho lệnh mua được thực hiện bởi cá nhân, tổ chức khác không phải là nhà đầu tư thì phiếu lệnh và tài liệu xác nhận việc thanh toán phải nêu rõ tên, số tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ, số tiểu khoản giao dịch hoặc số Giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu còn hiệu lực hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và giá trị thanh toán của nhà đầu tư.

- c) Số lượng chứng chỉ Quỹ được phân phối được tính bằng:
- $$\frac{\text{Tổng số tiền đăng ký mua hợp lệ} \times (1 - \text{Giá dịch vụ phát hành(\%)})}{\text{Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tại ngày giao dịch}}$$

Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tại ngày giao dịch

- d) Số lượng chứng chỉ Quỹ được phân phối được làm tròn tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.
- e) Xác nhận giao dịch được Đại lý phân phối chuyển tới nhà đầu tư trong vòng một (01) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch chứng chỉ Quỹ. Xác nhận giao dịch mua cũng đồng thời là xác nhận quyền sở hữu đối với số lượng Đơn vị quỹ Nhà đầu tư mua được.
- f) Các trường hợp lệnh mua không hợp lệ, cách thức giải quyết chênh lệch tiền và quy trình nhận, thực hiện lệnh mua được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch.

1.4.3 Lệnh bán chứng chỉ quỹ

- a. Số lượng đơn vị chứng chỉ quỹ đăng ký bán tối thiểu là một (1) đơn vị quỹ. Quỹ không áp dụng quy định về số lượng đơn vị chứng chỉ quỹ tối thiểu duy trì tài khoản. Trường hợp Nhà đầu tư đăng ký bán dẫn tới số lượng đơn vị chứng chỉ quỹ còn lại trong tài khoản nhỏ hơn số lượng bán tối thiểu, Nhà đầu tư phải thực hiện đăng ký bán toàn bộ số đơn vị chứng chỉ quỹ còn lại trong cùng kỳ giao dịch.
- b. Trường hợp lệnh bán chỉ được thực hiện một phần theo quy định tại mục 2.4.5 dẫn đến số lượng đơn vị quỹ còn lại trên tài khoản thấp hơn mức tối thiểu ở trên thì số lượng chứng chỉ quỹ còn lại trong tài khoản này sẽ được tự động ưu tiên thực hiện bán hết vào kỳ giao dịch kế tiếp.
- c. Việc thanh toán tiền bán chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư được thực hiện bằng hình thức chuyển khoản trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ trừ trường hợp quy định tại điểm c mục 2.4.5.
- d. Tiền bán chứng chỉ quỹ được quỹ chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của Nhà đầu tư, đại lý ký danh đã đăng ký hoặc tài khoản ngân hàng do Nhà đầu tư chỉ định.
- e. Số tiền bán chứng chỉ quỹ = Số lượng Chứng chỉ Quỹ được mua lại x Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị quỹ x (1 – Giá dịch vụ mua lại(%)).
- f. Nhà đầu tư sẽ nhận được số tiền bằng số tiền bán chứng chỉ quỹ trừ đi các khoản thuế (nếu có) theo Luật hiện hành và phí chuyển tiền.
- g. Xác nhận giao dịch: được Đại lý Phân phối chuyển tới Nhà đầu tư trong vòng một (01) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch chứng chỉ Quỹ.
- h. Các trường hợp lệnh bán không hợp lệ, cách thức giải quyết và quy trình nhận, thực hiện lệnh bán được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch.

- i. Công ty Quản lý Quỹ được chuyển giao một phần danh mục đầu tư thay cho việc thanh toán bằng tiền cho Nhà đầu tư. Việc chuyển giao danh mục đầu tư phải đảm bảo:
- Chỉ thực hiện khi Công ty Quản lý Quỹ xét thấy là cần thiết để không ảnh hưởng tiêu cực tới giá trị tài sản ròng của Quỹ. Việc thực hiện phải được sự chấp thuận bằng văn bản của Ban Đại diện và phải báo cáo Đại hội Nhà đầu tư gần nhất;
 - Được Nhà đầu tư (bên nhận chuyển giao) chấp thuận bằng văn bản;
 - Chỉ thực hiện đối với lệnh bán có tổng giá trị thanh toán lớn hơn năm mươi (50) tỷ đồng;
 - Cơ cấu danh mục chuyển giao cho nhà đầu tư phải hoàn toàn giống cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ;
 - Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận đảm bảo việc chuyển giao danh mục đầu tư phù hợp với quy định tại mục này.

1.4.4 Lệnh chuyển đổi chứng chỉ quỹ

- a. Nhà đầu tư có quyền đăng ký chuyển đổi một phần hoặc toàn bộ chứng chỉ quỹ đang sở hữu (Quỹ nguồn) sang một loại chứng chỉ quỹ khác phát hành bởi Quỹ do cùng Công ty Quản lý Quỹ quản lý (Quỹ đích) trong trường hợp các Quỹ kia có quy định cho phép chuyển đổi chứng chỉ quỹ.
- b. Số lượng chứng chỉ quỹ đăng ký chuyển đổi tối thiểu là một (1) đơn vị quỹ. Trường hợp lệnh chuyển đổi chỉ được thực hiện một phần theo quy định tại mục 2.4.5 dẫn đến số lượng đơn vị quỹ còn lại trên tài khoản thấp hơn mức tối thiểu ở trên thì số lượng chứng chỉ quỹ còn lại trong tài khoản này sẽ được tự động ưu tiên thực hiện bán hết vào kỳ giao dịch kế tiếp.
- c. Nhà đầu tư phải thanh toán giá dịch vụ chuyển đổi được quy định tại Điều lệ Quỹ và phí chuyển tiền (trong trường hợp chuyển đổi chứng chỉ quỹ của những quỹ được thực hiện lưu ký không cùng một hệ thống ngân hàng giám sát), mà không phải thanh toán giá dịch vụ mua lại và giá dịch vụ phát hành trên giá trị chứng chỉ quỹ chuyển đổi.
- d. Số lượng chứng chỉ Quỹ đích được phân phối được tính bằng:

$$= \frac{\text{Số lượng chứng chỉ Quỹ nguồn được chuyển đổi} \times \text{NAV/ đơn vị quỹ nguồn tính tại ngày giao dịch}}{\text{NAV/ đơn vị quỹ đích tính tại ngày giao dịch gần nhất sau khi Quỹ nguồn đã thanh toán tiền bán chứng chỉ quỹ}} \times (1 - \text{Giá dịch vụ chuyển đổi (\%)}) - \text{Phí chuyển tiền (nếu có)}$$

1.4.5 Thực hiện một phần lệnh giao dịch

- a. Công ty Quản lý Quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần lệnh bán, lệnh chuyển đổi của Nhà đầu tư khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

- i. Tổng giá trị các lệnh bán (kể cả lệnh bán từ hoạt động chuyển đổi) trừ đi tổng giá trị các lệnh mua (kể cả lệnh mua từ hoạt động chuyển đổi) tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ lớn hơn 10% giá trị tài sản ròng của Quỹ; hoặc
 - ii. Việc thực hiện toàn bộ lệnh giao dịch của Nhà đầu tư dẫn tới:
 - Giá trị tài sản ròng của Quỹ xuống dưới năm mươi (50) tỷ đồng; hoặc
 - Giá trị tài sản ròng còn lại hoặc số đơn vị quỹ còn lại của Quỹ thấp hơn giá trị tài sản ròng tối thiểu đã được quy định tại Điều lệ Quỹ và Bản cáo bạch; hoặc
 - iii. Việc bán chứng khoán lấy tiền mặt để đáp ứng toàn bộ lệnh của Nhà Đầu Tư không thể thực hiện được do:
 - Tính thanh khoản của thị trường thấp; hoặc
 - Một (hoặc nhiều) chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ bị đình chỉ giao dịch do quyết định của sở giao dịch chứng khoán.

Đối với trường hợp này, Công ty Quản lý Quỹ chỉ được đáp ứng một phần lệnh bán, lệnh chuyển đổi của Nhà đầu tư sau khi được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
 - iv. Các trường hợp khác theo quy định pháp luật.
- b. Trong trường hợp thực hiện một phần lệnh bán, lệnh chuyển đổi theo quy định điểm a, Công ty Quản lý Quỹ được quyền áp dụng nguyên tắc cùng một tỷ lệ: phần giá trị được thực hiện sẽ được phân bổ cho tất cả các nhà đầu tư đăng ký giao dịch theo cùng một tỷ lệ giữa giá trị thực hiện và giá trị đăng ký giao dịch.
 - c. Đối với trường hợp quy định tại tiết i điểm a, Công ty Quản lý Quỹ được kéo dài thời hạn thanh toán tối đa ba mươi (30) ngày sau khi được Ban đại diện quỹ chấp thuận, kể từ ngày giao dịch Chứng chỉ quỹ.

1.4.6 Các trường hợp tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ

- a. Công ty Quản lý Quỹ có thể tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:
 - i. Công ty Quản lý Quỹ không thể thực hiện việc mua lại chứng chỉ quỹ theo yêu cầu do nguyên nhân bất khả kháng;
 - ii. Công ty Quản lý Quỹ không thể xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ vào ngày định giá mua lại chứng chỉ quỹ do chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ bị đình chỉ giao dịch theo quyết định của Sở giao dịch chứng khoán;
 - iii. Các sự kiện khác mà Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xét thấy là cần thiết.
- b. Công ty quản lý quỹ phải báo cáo Ban Đại diện Quỹ, UBCKNN trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại điểm a, trừ trường hợp theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và phải tiếp tục thực hiện việc mua lại chứng chỉ quỹ mở ngay sau khi các sự kiện này chấm dứt.
- c. Thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ quỹ sẽ do Công ty Quản lý Quỹ thông báo cho Nhà đầu tư tùy thuộc vào tình hình thực tế nhưng không quá chín mươi (90) ngày, kể từ ngày tạm dừng giao dịch Chứng chỉ quỹ.

- d. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ quỹ theo quy định tại điểm c, Công ty Quản lý Quỹ phải tổ chức họp để lấy ý kiến Đại hội Nhà đầu tư về việc giải thể Quỹ, hoặc tách Quỹ, hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ quỹ.
- e. Trong thời hạn triệu tập Đại hội Nhà đầu tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ chấm dứt, Công ty Quản lý Quỹ được hủy bỏ việc triệu tập Đại hội Nhà đầu tư.

1.5 Nguyên tắc xác định giá giao dịch đơn vị quỹ

- 1.5.1 Giá bán/Giá phát hành một đơn vị chứng chỉ quỹ trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng, tức là mức giá mà Nhà đầu tư phải thanh toán cho Quỹ, bằng mười nghìn (10.000) đồng cộng với Giá dịch vụ phát hành.
- 1.5.2 Giá bán/ Giá phát hành một đơn vị chứng chỉ quỹ cho các lần tiếp theo, là mức giá mà Nhà đầu tư phải thanh toán cho Công ty Quản lý Quỹ, bằng Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị chứng chỉ Quỹ tại Ngày giao dịch Chứng chỉ quỹ cộng với Giá dịch vụ phát hành (nếu có).
- 1.5.3 Giá mua lại một đơn vị chứng chỉ Quỹ, là mức giá mà Công ty Quản lý Quỹ phải thanh toán cho Nhà đầu tư, được xác định bằng Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ tại Ngày giao dịch Chứng chỉ quỹ trừ đi Giá dịch vụ mua lại (nếu có).
- 1.5.4 Giá giao dịch (NAV trên một chứng chỉ quỹ) sẽ được công bố tại ngày làm việc tiếp theo của ngày định giá trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ.

1.5.5 Thông tin về các mức phí/ giá dịch vụ của nhà đầu tư:

- a. Giá dịch vụ phát hành là số tiền dịch vụ mà nhà đầu tư phải trả khi mua Chứng chỉ quỹ và được tính theo tỷ lệ phần trăm tổng giá trị đăng ký mua chứng chỉ quỹ. Giá dịch vụ phát hành tối đa bằng năm phần trăm (5%) giá trị giao dịch.
- b. Giá dịch vụ mua lại là số tiền dịch vụ nhà đầu tư phải trả khi bán một đơn vị quỹ cho quỹ và được khấu trừ khi quỹ thanh toán tiền bán chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư. Giá dịch vụ mua lại được căn cứ vào thời hạn nắm giữ chứng chỉ quỹ và được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch thực hiện được. Giá dịch vụ mua lại tối đa bằng ba phần trăm (3%) giá trị giao dịch.
- c. Giá dịch vụ chuyển đổi là số tiền nhà đầu tư phải trả khi giao dịch chuyển đổi chứng chỉ quỹ giữa các chứng chỉ quỹ mở do Công ty Quản lý Quỹ quản lý tại mỗi kỳ giao dịch. Giá dịch vụ chuyển đổi chứng chỉ quỹ được tính trên giá trị giao dịch chứng chỉ quỹ chuyển đổi thực hiện được. Nhà đầu tư không phải trả Giá dịch vụ mua lại và Giá dịch vụ phát hành khi thực hiện chuyển đổi các loại chứng chỉ quỹ. Giá dịch vụ chuyển đổi tối đa bằng ba phần trăm (3%) giá trị chuyển đổi thực hiện được.
- d. Các loại Giá dịch vụ quy định tại mục **Error! Reference source not found.- Error! Reference source not found., Error! Reference source not found., Error! Reference source not found.** sẽ được công bố cụ thể trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ và được trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Đại lý phân phối. Ngân hàng giám sát sẽ chuyển trả trực tiếp các loại giá dịch vụ này cho Công ty Quản lý Quỹ và Đại lý phân phối theo chỉ thị thanh toán của Công ty Quản lý Quỹ. Mức giá trả cho Đại lý phân phối được tính bởi tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan căn cứ trên Hợp đồng Đại lý phân phối được ký giữa Công ty Quản lý Quỹ và Đại lý phân phối.

- e. Việc tăng các mức giá dịch vụ chỉ được thực hiện khi mức giá dịch vụ sau khi tăng không vượt quá các mức quy định tại điểm a, b, c mục này. Thời điểm áp dụng mức giá mới tăng sớm nhất là sau sáu mươi (60) ngày kể từ ngày Công ty Quản lý Quỹ công bố về các mức giá mới trên trang thông tin điện tử của công ty.

1.6 Thông tin về các mức phí/giá dịch vụ mà quỹ phải trả

1.6.1 Giá dịch vụ quản lý tài sản trả cho Công ty Quản lý Quỹ:

- Giá dịch vụ quản lý là 1,5%/năm tính trên tổng Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ tại ngày trước ngày định giá và được trả cho Công ty Quản lý Quỹ trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày cuối tháng để thực hiện các dịch vụ quản lý quỹ đầu tư cho Quỹ. Số tiền dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền được tính và trích lập cho các kỳ định giá trong tháng.
- Giá dịch vụ quản lý được tính theo công thức như sau:
$$\text{Giá dịch vụ quản lý} = 1,5\% \times \text{Giá trị Tài sản Ròng tại ngày trước ngày định giá} \times \text{Số ngày thực tế trong kỳ định giá} / \text{Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)}$$
- Trong mọi trường hợp tổng giá dịch vụ quản lý quỹ, giá dịch vụ quản trị quỹ và giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng phải đảm bảo tuân thủ mức tối đa 2%/năm tính trên tổng Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ theo quy định của pháp luật.

1.6.2 Giá dịch vụ giám sát và Giá dịch vụ lưu ký

Giá dịch vụ giám sát và Giá dịch vụ lưu ký được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng giám sát để thực hiện các dịch vụ giám sát và lưu ký cho Quỹ. Giá dịch vụ giám sát và lưu ký được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên Giá trị Tài sản Ròng tại ngày trước ngày định giá.

Giá dịch vụ giám sát là 0,02%/năm tính trên tổng Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ. Tối thiểu là 5 triệu đồng mỗi tháng (chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có)).

Giá dịch vụ lưu ký là 0,05%/năm tính trên tổng Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ. Tối thiểu là 15 triệu đồng mỗi tháng (chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có)).

Giá dịch vụ lưu ký, giám sát được tính theo công thức như sau:

$$\text{Giá dịch vụ lưu ký/giám sát} = \text{Mức giá áp dụng} \times \text{Giá trị Tài sản Ròng tại ngày trước ngày định giá} \times \text{Số ngày thực tế trong kỳ định giá} / \text{Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)}$$

Mức Giá dịch vụ lưu ký và giám sát sẽ nằm trong khung quy định (nếu có) của luật hiện hành.

Mức Giá dịch vụ trên không bao gồm các phí/ giá dịch vụ thông thường khác như giá dịch vụ Ngân hàng lưu ký phải trả cho bên thứ ba như VDSC, giá dịch vụ giao dịch chứng khoán, phí/giá sửa lệnh...

Giá dịch vụ lưu ký xử lý giao dịch: 150.000 đồng/1 giao dịch/1 mã chứng khoán/1 ngày (chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có)).

1.6.3 Giá dịch vụ quản trị quỹ

Giá dịch vụ quản trị quỹ được thanh toán hàng tháng cho Tổ chức cung cấp dịch vụ để thực hiện dịch vụ quản trị quỹ cho Quỹ. Giá dịch vụ quản trị quỹ được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên Giá trị Tài sản Ròng tại ngày định giá.

Giá dịch vụ quản trị quỹ là 0,03%/năm tính trên tổng Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ và được thanh toán hàng tháng. Tối thiểu là 15 triệu đồng mỗi tháng (chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có)).

Giá dịch vụ quản trị quỹ được tính theo công thức như sau:

$$\text{Giá dịch vụ quản trị quỹ} = \text{Mức giá áp dụng} * \text{Giá trị Tài sản Ròng tại ngày định giá} * \text{Số ngày thực tế trong kỳ định giá} / \text{Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)}$$

Các mức giá dịch vụ nêu trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có). Mức giá tối thiểu trong tháng sẽ được áp dụng cho quỹ nếu mức giá phải trả theo giá trị tài sản ròng trong tháng ít hơn mức giá tối thiểu đã thống nhất.

1.6.4 Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng:

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng bao gồm giá dịch vụ cố định hàng tháng là mười hai triệu đồng/ một tháng (chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có)). Chi phí thiết lập, duy trì thông tin, giá dịch vụ kết nối, giá dịch vụ cung cấp thông tin giao dịch, thông tin nhà đầu tư, giá dịch vụ thực hiện quyền được miễn. Mức giá dịch vụ trên chưa bao gồm các số tiền khác như giá dịch vụ gửi thư cho nhà đầu tư, giá dịch vụ cung cấp thông tin đặc thù theo yêu cầu hoặc các công việc khác.

1.6.5 Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán.

1.6.6 Chi phí trả cho tổ chức định giá độc lập để định giá tài sản của Quỹ.

1.6.7 Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho Ban Đại diện Quỹ.

1.6.8 Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho Nhà đầu tư; chi phí công bố thông tin của quỹ; chi phí tổ chức họp Đại hội Nhà đầu tư, Ban Đại diện Quỹ.

1.6.9 Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của Quỹ.

1.6.10 Các chi phí hợp lý, hợp lệ khác.

1.6.11 Thuế đánh trên các phí/giá dịch vụ và các loại lệ phí khác:

Quỹ sẽ thanh toán các khoản Giá dịch vụ quản lý cho Công ty Quản lý Quỹ; Giá dịch vụ giám sát, Giá dịch vụ lưu ký cho Ngân hàng Giám sát; Giá dịch vụ quản trị quỹ cho tổ chức cung cấp dịch vụ khác và các khoản thuế, phí, giá dịch vụ (nếu có) liên quan đến việc thanh toán các loại giá dịch vụ, phí nêu trên, kể cả thuế giá trị gia tăng và lệ phí ngân hàng.

1.7 Phân chia lợi nhuận và chính sách thuế

- Quỹ thực hiện chia lợi tức bằng tiền hoặc chứng chỉ quỹ. Tối thiểu mười lăm (15) ngày trước khi phân phối lợi tức, Công ty Quản lý Quỹ phải thông báo đến Nhà đầu tư bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc hoặc thư điện tử đã đăng ký. Thông báo phải bao gồm tối thiểu các nội dung theo quy định pháp luật.
- Việc chi trả lợi tức quỹ bảo đảm nguyên tắc:
 - Lợi tức phân phối cho Nhà đầu tư được lấy từ nguồn lợi nhuận trong kỳ hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi quỹ đã hoàn tất mọi nghĩa vụ thuế, tài chính theo quy định pháp luật;

- Công ty Quản lý Quỹ được phân chia tài sản của Quỹ cho Nhà đầu tư nhiều hơn lợi nhuận đã thực hiện, nhưng phải bảo đảm Quỹ có đủ nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và giá trị tài sản ròng quỹ sau khi chi trả lợi tức phải không được thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng. Kế hoạch, lộ trình thực hiện, quy mô tài sản phân chia, nguồn vốn thực hiện phải được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận.
- Mức chi trả lợi tức phải phù hợp với chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ quy định tại Điều lệ quỹ và được Đại hội Nhà đầu tư thông qua;
- Trường hợp phân phối lợi tức bằng chứng chỉ quỹ, Quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.
- Thông tin về hoạt động phân chia lợi nhuận của Quỹ đã thực hiện phải được cập nhật tại Bản cáo bạch sửa đổi, bổ sung.

1.8 Đại hội nhà đầu tư

1.8.1 Đại hội nhà đầu tư thường niên

- a. Đại hội Nhà đầu tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ và tất cả các Nhà đầu tư có tên trong sổ đăng ký Nhà đầu tư trước khi triệu tập cuộc họp đều có quyền tham dự Đại hội.
- b. Đại hội Nhà đầu tư do Công ty Quản lý Quỹ triệu tập và quyết định những nội dung sau:
 - i. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ;
 - ii. Thay đổi cơ bản trong chính sách, mục tiêu đầu tư của Quỹ; thay đổi mức giá dịch vụ trả cho Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát; thay đổi Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát;
 - iii. Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể Quỹ, thay đổi thời hạn hoạt động của quỹ;
 - iv. Phương án phân phối lợi tức;
 - v. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và thành viên Ban Đại diện quỹ; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban đại diện quỹ; thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ; thông qua các báo cáo tài chính, báo cáo về tài sản và hoạt động hàng năm của Quỹ.
 - vi. Xem xét và xử lý vi phạm của Công ty Quản lý quỹ, Ngân hàng Giám sát và Ban đại diện quỹ gây tổn thất cho Quỹ;
 - vii. Yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát xuất trình sổ sách hoặc giấy tờ giao dịch tại Đại hội Nhà đầu tư;
 - viii. Các quyền và nghĩa khác theo quy định pháp luật về chứng khoán và tại Điều lệ Quỹ.
- c. Chương trình và nội dung họp Đại hội Nhà đầu tư được Công ty Quản lý Quỹ xây dựng tương ứng với chương trình họp, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định pháp luật về doanh nghiệp. Tối thiểu 07 ngày làm việc trước khi diễn ra cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước toàn bộ chương trình, nội dung họp và các tài liệu có liên quan, đồng thời công bố thông tin về việc triệu tập họp Đại hội Nhà đầu tư, trong đó nêu rõ lý do và mục tiêu của cuộc họp.

- d. Đại hội Nhà đầu tư thường niên được tổ chức trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Ban đại diện quỹ, cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư thường niên có thể gia hạn nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính và phải thông báo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Việc họp Đại hội nhà đầu tư thường niên có thể được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

1.8.2 Đại hội Nhà đầu tư bất thường

- a. Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm triệu tập họp bất thường Đại hội Nhà đầu tư trong các trường hợp sau:
- i. Công ty Quản lý Quỹ hoặc Ngân hàng Giám sát hoặc Ban đại diện quỹ khi xét thấy là cần thiết vì quyền lợi của quỹ;
 - ii. Theo yêu cầu của Nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư quy định tại điểm b mục 2.3.2;
 - iii. Các trường hợp khác theo quy định pháp luật.
- b. Việc tổ chức họp bất thường Đại hội Nhà đầu tư được thực hiện trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày Công ty Quản lý Quỹ nhận được yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội Nhà đầu tư.
- c. Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ không triệu tập họp Đại hội Nhà đầu tư theo quy định tại điểm b, Công ty Quản lý Quỹ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Quỹ (nếu có). Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ không triệu tập họp Đại hội Nhà đầu tư theo quy định tại điểm b, trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban đại diện quỹ hoặc Ngân hàng Giám sát thay thế Công ty Quản lý Quỹ triệu tập họp Đại hội Nhà đầu tư theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ Quỹ.

1.8.3 Điều kiện, thể thức tiến hành họp, thông qua quyết định Đại hội Nhà đầu tư

- a. Cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư được tiến hành khi có số Nhà đầu tư tham dự đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết. Hình thức tham dự bao gồm:
- i. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - ii. Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - iii. Thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác).
- b. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại điểm a, cuộc họp lần thứ hai được triệu tập trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Trong trường hợp này, Đại hội Nhà đầu tư được tiến hành không phụ thuộc vào số Nhà đầu tư tham dự.
- c. Đại hội Nhà đầu tư thông qua Nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
- d. Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư về các nội dung quy định tại điểm ii, iii điểm b mục 2.8.1 phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư. Trong trường hợp này, quyết định tại cuộc họp được thông qua khi số Nhà đầu tư đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Nhà đầu tư dự họp tán thành.
- e. Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư được thông qua tại cuộc họp khi được số Nhà đầu tư đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Nhà đầu tư dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại điểm d mục này.

- f. Công ty Quản lý Quỹ được lấy ý kiến Nhà đầu tư bằng văn bản, trừ trường hợp quy định tại điểm d mục này. Nguyên tắc, nội dung, trình tự, thủ tục lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản phải phù hợp với quy định pháp luật về doanh nghiệp. Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ thời hạn gửi phiếu và tài liệu hợp cho Nhà đầu tư như trường hợp mời họp Đại hội Nhà đầu tư.
- g. Trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản của các Nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải thực hiện các công việc sau:
- i. Quyết định danh mục các vấn đề cần hỏi ý kiến, hình thức và nội dung phiếu hỏi ý kiến, dự thảo Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư và các tài liệu giải trình. Phiếu lấy ý kiến có nội dung chủ yếu như sau:
 - o Tên, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ; tên, trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty quản lý quỹ;
 - o Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với nhà đầu tư là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với nhà đầu tư là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện theo ủy quyền của nhà đầu tư là tổ chức; số lượng chứng chỉ quỹ và số phiếu biểu quyết tương ứng của nhà đầu tư;
 - o Mục đích lấy ý kiến, vấn đề cần lấy hỏi ý kiến và danh mục các tài liệu bổ trợ được gửi kèm theo phiếu hỏi ý kiến;
 - o Thời hạn cuối cùng gửi ý kiến;
 - o Lựa chọn biểu quyết gồm: "nhất trí", "không nhất trí" và "không có ý kiến".
 - o Họ tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý quỹ;
 - o Họ tên, chữ ký của nhà đầu tư là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Nhà đầu tư là tổ chức.
 - ii. Gửi phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư và các tài liệu giải trình dự thảo theo phương thức đảm bảo đến địa chỉ liên lạc của Nhà đầu tư và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ chậm nhất 10 ngày trước thời hạn Nhà đầu tư phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.

Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Nhà đầu tư là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Nhà đầu tư là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến đã trả lời được gửi về Công ty quản lý quỹ theo một trong các hình thức sau: gửi thư, fax, thư điện tử hoặc các hình thức điện tử khác. Các phiếu lấy ý kiến gửi về sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc bị tiết lộ trong các trường hợp khác là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về bị xem là phiếu không tham gia biểu quyết.
 - iii. Lập ban kiểm phiếu để thực hiện kiểm phiếu và lập biên bản về kết quả kiểm phiếu. Biên bản, Nghị quyết được công bố thông tin theo quy định của pháp luật. Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư được thông qua nếu được số Nhà đầu tư đại diện cho trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các Nhà đầu tư có quyền biểu quyết tán thành. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Nhà đầu tư bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp đại hội nhà đầu tư.

- h. Công ty Quản lý quỹ và Ban Đại diện Quỹ có trách nhiệm xem xét, bảo đảm các Nghị Quyết của Đại hội Nhà đầu tư được thông qua phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ Quỹ. Trường hợp quyết định của Đại hội Nhà đầu tư không phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ, thì phải tổ chức họp lại Đại hội Nhà đầu tư để lấy lại ý kiến hoặc lấy ý kiến Nhà đầu tư bằng văn bản.

1.9 Ban đại diện Quỹ

1.9.1 Danh sách Ban đại diện Quỹ

Bà Nguyễn Cẩm Chi

Chủ tịch Ban đại diện

Bà Nguyễn Cẩm Chi hiện giữ chức Phó Tổng giám đốc, Viện Thành viên Hội đồng quản trị Việt Nam (VIOD).

Bà Chi có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán và tài chính. Bà Chi hiện là thành viên kỳ cựu Hiệp hội kế toán công chứng Anh Quốc (FCCA).

Bà Lưu Thị Thúy

Thành viên ban đại diện

Bà Thúy có 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Ngân hàng, chứng khoán và đầu tư. Bà Thúy đã từng giữ chức vụ quản lý cấp cao của Khối Ngân hàng đầu tư Techcombank. Bà Thúy là thành viên hiệp hội CFA (CFA Charter Holder), thành viên của cộng đồng CFA Singapore từ năm 2012.

Bà Trần Thu Lan

Thành viên ban đại diện

Bà Trần Thu Lan tốt nghiệp Cử nhân Luật chuyên ngành Hành chính - Tư Pháp tại Đại học Luật Hà Nội, thạc sỹ chuyên ngành Luật dân sự tại Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội. Bà Lan có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tư vấn pháp lý, kiểm soát tuân thủ, quản trị điều hành doanh nghiệp. Bà Lan gia nhập Ngân hàng TMCP Quân Đội (MB) kể từ năm 2009 và hiện đang đảm nhiệm chức vụ Trợ lý pháp chế HĐQT của MB.

1.9.2 Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban Đại diện Quỹ

Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban đại diện Quỹ:

- Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm theo quy định tại khoản 3 Điều 23 Điều lệ Quỹ và không nhất thiết phải là Nhà đầu tư của Quỹ;
- Thành viên Ban đại diện quỹ có thể đồng thời là thành viên của Ban đại diện quỹ đại chúng, Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán đại chúng khác;
- Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị.

Những người sau đây không được là thành viên Ban đại diện quỹ:

- a. Các trường hợp thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị.
- b. Là thành viên của trên 05 Ban đại diện quỹ đại chúng, Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán đại chúng

1.9.3 Quyền hạn và nhiệm vụ Ban Đại diện Quỹ

Ban Đại diện Quỹ có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a. Đại diện cho quyền lợi của Nhà đầu tư; thực hiện các hoạt động phù hợp với quy định pháp luật để bảo vệ quyền lợi của Quỹ và Nhà đầu tư;
- b. Phê duyệt sổ tay định giá giá trị tài sản ròng của Quỹ; danh sách tối thiểu ba (03) tổ chức cung cấp báo giá không phải người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát; danh sách các tổ chức tín dụng theo quy định tại khoản 7 Điều 9 Điều lệ Quỹ;
- c. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 9 Điều 9 Điều lệ Quỹ;
- d. Quyết định mức lợi tức phân phối theo phương án phân chia lợi nhuận đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua; thời điểm thực hiện, cách thức, hình thức phân phối lợi nhuận;
- e. Quyết định các vấn đề chưa có sự thống nhất giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát trên cơ sở quy định của pháp luật;
- f. Trường hợp Đại hội Nhà đầu tư gần nhất đã ủy quyền, Ban đại diện Quỹ được quyết định các vấn đề quy định tại mục b, c, d, e, f, g và h khoản 2 Điều 19 Điều lệ Quỹ. Trong trường hợp này, Công ty Quản lý Quỹ phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin Quyết định của Ban đại diện quỹ theo quy định về công bố thông tin đối với Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư.
- g. Yêu cầu Công ty Quản lý quỹ, Ngân hàng Giám sát kịp thời cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin về hoạt động quản lý tài sản và hoạt động giám sát;
- h. Thường xuyên kiểm tra, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, mức độ cẩn trọng trong công tác quản lý tài sản của Công ty Quản lý Quỹ;
- i. Giám sát hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát và các tổ chức cung cấp dịch vụ cho Quỹ phù hợp với các quy định của Điều lệ Quỹ và pháp luật có liên quan;
- j. Phê chuẩn các giao dịch của Quỹ với Người có Liên quan của Công ty Quản lý Quỹ hoặc Ngân hàng Giám sát phù hợp với quy định của pháp luật;
- k. Kiến nghị những thay đổi đối với chính sách và mục tiêu đầu tư của Quỹ để Đại hội Nhà đầu tư quyết định;
- l. Đánh giá tình hình và kết quả hoạt động của Quỹ, đóng góp ý kiến vào việc xây dựng định hướng hoạt động đầu tư của Quỹ định kỳ hàng quý, hàng năm;
- m. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và các quy định tại Điều lệ Quỹ.

1.9.4 Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ

- a. Đại hội Nhà đầu tư bầu Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ trong số các thành viên Ban Đại diện Quỹ. Chủ tịch Ban đại diện quỹ phải là thành viên độc lập.
- b. Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban Đại diện Quỹ;
- Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ các cuộc họp Ban Đại diện Quỹ; triệu tập và chủ tọa các cuộc họp Ban Đại diện Quỹ;
- Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Ban Đại diện Quỹ; và
- Các quyền và nhiệm vụ khác theo các quy định của Điều lệ Quỹ và pháp luật có liên quan.

1.9.5 Thủ tục điều hành

- a. Trường hợp Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ thì thành viên Ban Đại diện Quỹ được Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ.
- b. Trường hợp không có người được ủy quyền, các thành viên Ban Đại diện Quỹ còn lại chọn một trong số các thành viên độc lập tạm thời giữ chức Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ theo nguyên tắc nhất trí. Việc bầu lại Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ sẽ được thực hiện tại Đại hội Nhà đầu tư gần nhất.

1.9.6 Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban Đại diện Quỹ

- a. Đại hội Nhà đầu tư miễn nhiệm thành viên Ban đại diện trong trường hợp sau đây:
 - Không có đủ tiêu chuẩn theo quy định pháp luật và Điều lệ Quỹ;
 - Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - Các trường hợp khác theo quy định pháp luật.
- b. Đại hội Nhà đầu tư bãi nhiệm thành viên Ban đại diện trong trường hợp sau đây:
 - Không tham gia các hoạt động của Ban đại diện quỹ trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - Các trường hợp khác theo quy định pháp luật.
- c. Ban đại diện Quỹ phải triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư để bầu bổ sung thành viên Ban đại diện Quỹ trong trường hợp sau đây:
 - Số thành viên Ban đại diện Quỹ bị giảm quá một phần ba. Trường hợp này, Ban đại diện Quỹ phải triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - Số lượng thành viên độc lập Ban đại diện Quỹ giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điều lệ;
 - Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội nhà đầu tư bầu thành viên mới thay thế thành viên Ban đại diện Quỹ đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

1.9.7 Biên bản họp Ban Đại diện Quỹ

- Cuộc họp Ban Đại diện Quỹ phải được ghi đầy đủ vào biên bản. Chủ tọa và thư ký phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp Ban Đại diện Quỹ.
- Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát được quyền tham dự các cuộc họp của Ban Đại diện Quỹ nhưng không có quyền tham gia biểu quyết.

- Tất cả các chi phí tổ chức các cuộc họp và chi phí công tác của Ban đại diện Quỹ sẽ do Quỹ thanh toán. Đại hội nhà đầu tư quy định mức thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban đại diện.

1.10 Tiêu chí lựa chọn, quyền hạn và trách nhiệm của Công ty Quản lý Quỹ

1.10.1 Tiêu chuẩn lựa chọn Công ty Quản lý Quỹ

Công ty Quản lý Quỹ được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

- a. Được UBCKNN cấp phép nghiệp vụ quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;
- b. Không phải là Người có Liên quan của Ngân hàng Giám sát;
- c. Có đầy đủ khả năng thực hiện nghiệp vụ quản lý quỹ; và
- d. Được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận.

1.10.2 Trách nhiệm và quyền hạn của Công ty quản lý Quỹ

- a. Công ty Quản lý Quỹ có các nghĩa vụ sau:
 - i. Tuân thủ Điều lệ Quỹ và các quyết định hợp lệ của Đại hội Nhà đầu tư, Ban Đại diện Quỹ và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan và bảo vệ quyền lợi của các Nhà đầu tư;
 - ii. Hành động công bằng, trung thực và vì quyền lợi của Quỹ và các Nhà đầu tư;
 - iii. Phân công tối thiểu 02 người điều hành quỹ để quản lý, điều hành hoạt động đầu tư của Quỹ. Người điều hành quỹ phải có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ, chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh, có tối thiểu 02 năm kinh nghiệm trong hoạt động quản lý tài sản và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán. Thông tin về trình độ, chuyên môn, kinh nghiệm quản lý tài sản của người điều hành quỹ phải được công khai tại Bản cáo bạch;
 - iv. Ký các Hợp đồng Giám sát với Ngân hàng Giám sát trong đó có các điều khoản chi tiết về quyền và nghĩa vụ của các bên liên quan trong việc quản lý tài sản của Quỹ;
 - v. Ký các Hợp đồng ủy quyền cung cấp dịch vụ quản trị quỹ đầu tư, dịch vụ đại lý chuyển nhượng và các dịch vụ ủy quyền khác theo quy định của pháp luật với tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan; Bảo đảm việc quản lý độc lập và tách biệt tài sản của Quỹ với các quỹ khác, khách hàng ủy thác khác mà Công ty Quản lý Quỹ quản lý cũng như các tài sản của Công ty Quản lý Quỹ; đảm bảo sự tách biệt về cơ sở vật chất, nhân sự, cơ sở dữ liệu giữa hoạt động quản lý quỹ cho Quỹ với các hoạt động đầu tư tài chính của Công ty Quản lý Quỹ;
 - vi. Phải ban hành quy trình phân bổ lệnh giao dịch, phân bổ tài sản giao dịch một cách hợp lý, công bằng khi thực hiện giao dịch cho Quỹ và cho bản thân công ty. Quy trình phân bổ tài sản phải nêu rõ nguyên tắc thực hiện, phương pháp xác định giá, khối lượng tài sản phân bổ cho từng đối tượng khách hàng ủy thác, bảo đảm phù hợp với mục tiêu đầu tư, mức chấp nhận rủi ro của từng khách hàng ủy thác.
 - vii. Trong trường hợp trong ngày Công ty Quản lý Quỹ mua hoặc bán cùng một loại tài sản cho Quỹ và cho chính Công ty Quản lý Quỹ thì việc phân bổ tài sản giao dịch được thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau:
 - Ưu tiên phân bổ tài sản giao dịch cho Quỹ;

- Việc phân bổ giao dịch cho bản thân công ty chỉ được thực hiện sau khi đáp ứng đầy đủ các lệnh giao dịch cho Quỹ. Trường hợp công ty quản lý quỹ biết thông tin nội bộ hoặc biết lệnh giao dịch tài sản ủy thác có thể ảnh hưởng lớn tới giá của một loại tài sản, công ty quản lý quỹ không được giao dịch cùng loại tài sản đó hoặc tiết lộ cho bên thứ ba giao dịch tài sản đó;
 - Việc phân bổ tài sản phải được thông báo cho ngân hàng giám sát để thực hiện ngay trong ngày giao dịch.
- viii. Đảm bảo sự công bằng và không làm tổn hại đến quyền lợi của Quỹ khi thực hiện những giao dịch của Quỹ mà có sự tham gia của Người có Liên quan của Công ty Quản lý Quỹ; các giao dịch này chỉ được thực hiện sau khi được chấp thuận bởi Ban đại diện Quỹ về loại tài sản giao dịch, đối tác giao dịch hoặc tiêu chí xác định đối tác giao dịch, giá giao dịch hoặc nguyên tắc xác định giá giao dịch, thời điểm thực hiện giao dịch theo quy định của pháp luật;
- ix. Thực hiện việc xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ và Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ; lập và quản lý sổ đăng ký nhà đầu tư (Sổ chính) và xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ cho Nhà đầu tư theo quy định của pháp luật. Công ty Quản lý Quỹ được ủy quyền cho Ngân hàng giám sát, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện một số hoặc toàn bộ hoạt động quản trị quỹ và đại lý chuyển nhượng. Công ty Quản lý Quỹ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm phát sinh từ việc ủy quyền. Việc ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan được thực hiện theo các nguyên tắc và trên cơ sở hợp đồng theo các quy định của pháp luật;
- x. Đảm bảo tất cả các giao dịch chứng khoán của người quản lý, điều hành và nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ đều phải được báo cáo và quản lý tập trung phù hợp với quy định của pháp luật;
- xi. Đảm bảo rằng khi Công ty Quản lý Quỹ giao dịch mua, bán các tài sản cho Quỹ thì những người quản lý, điều hành của Công ty Quản lý Quỹ cũng như những người điều hành Quỹ không được nhận bất kỳ một lợi ích nào cho Công ty Quản lý Quỹ, bản thân họ hoặc bất kỳ bên thứ ba nào, ngoài khoản phí/ giá dịch vụ quy định trong Điều lệ Quỹ;
- xii. Thực hiện các quyền liên quan đến tài sản của Quỹ theo quy định của Điều lệ Quỹ và pháp luật hiện hành; thay mặt Quỹ, thực hiện thanh toán các khoản phí và chi phí hợp lý hợp lệ của Quỹ;
- xiii. Trường hợp sai lệch là do Công ty Quản lý Quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định pháp luật hoặc Điều lệ quỹ. Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày Ngân hàng giám sát phát hiện sai lệch, thông báo cho Công ty quản lý Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ phải chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư và không được thu giá dịch vụ quản lý đối với phần danh mục không phù hợp với chính sách đầu tư và các tổn thất. Trường hợp giao dịch này phát sinh lợi nhuận, phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ;
- xiv. Tổ chức các cuộc họp thường kỳ hoặc bất thường của Ban Đại diện Quỹ và Đại hội Nhà đầu tư và thực hiện các công việc hành chính khác có liên quan để đảm bảo hoạt động của Quỹ diễn ra thông suốt;
- xv. Khấu trừ bất cứ khoản thuế nào áp dụng đối với thu nhập phân phối cho các Nhà đầu tư và các thu nhập khác phát sinh từ các giao dịch đối với Đơn vị Quỹ theo quy định của pháp luật;

- xvi. Lập các báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động và các báo cáo khác của Quỹ và gửi các báo cáo đó đến Ban Đại diện Quỹ, các Nhà đầu tư và các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;
- xvii. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
- xviii. Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm đền bù thiệt hại cho Quỹ, nhà đầu tư thực hiện giao dịch chứng chỉ quỹ mà chịu thiệt hại trong trường hợp:
 - Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ bị định giá sai theo quy định của pháp luật.
 - Không tuân thủ chính sách đầu tư, đầu tư vào các tài sản bị hạn chế quy định tại Điều lệ quỹ.
 - Sử dụng vốn vay trái mục đích, không phù hợp với quy định của pháp luật; hoặc vay vượt quá các hạn mức vay đã được quy định tại Điều 10 Điều lệ quỹ, quy định của pháp luật.
 - Đầu tư vượt các hạn chế đầu tư, trừ các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 9 Điều lệ quỹ.
- xix. Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ các cam kết quy định tại Phụ lục 01 và Phụ lục 03 của Điều lệ Quỹ và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật Việt Nam.
 - b. Công ty Quản lý Quỹ có các quyền sau:
 - i. Được hưởng các khoản giá dịch vụ quy định trong Điều lệ phù hợp với quy định của pháp luật;
 - ii. Có quyền từ chối phát hành chứng chỉ quỹ cho những tổ chức không được phép đầu tư vào Quỹ theo quy định của pháp luật hoặc cho Nhà đầu tư cá nhân không có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
 - iii. Được thực hiện các hoạt động kinh doanh và cung cấp dịch vụ phù hợp với quy định của pháp luật;
 - iv. Được tham gia các cuộc họp của Ban Đại diện Quỹ và Đại hội Nhà đầu tư;
 - v. Được quyết định các khoản đầu tư của Quỹ phù hợp với quy định của Điều lệ Quỹ và các quy định khác của pháp luật.

1.10.3 Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Công ty Quản lý Quỹ

- a. Công ty Quản lý Quỹ chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với quỹ trong các trường hợp sau:
 - i. Theo yêu cầu của Đại hội Nhà đầu tư;
 - ii. Công ty Quản lý Quỹ đề nghị chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ và đề nghị đó được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận;
 - iii. Công ty quản lý quỹ bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán theo quy định tại Điều 95 Luật Chứng khoán;
 - iv. Tổ chức lại Công ty Quản lý Quỹ;
 - v. Quỹ hết thời gian hoạt động;
 - vi. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật
- b. Trước thời điểm dự kiến chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với quỹ tối thiểu sáu (06) tháng, Công ty Quản lý Quỹ phải tổ chức họp Đại hội Nhà đầu tư lấy ý kiến về phương án xử lý

tài sản và công ty quản lý quỹ thay thế trong trường hợp quy định tại tiết ii, iii, iv điểm a. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày Đại hội Nhà đầu tư thông qua quyết định thay thế công ty quản lý quỹ, công ty quản lý quỹ thay thế có trách nhiệm đề nghị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ liên quan đến việc thay đổi công ty quản lý quỹ.

- c. Quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của công ty quản lý quỹ bị thay thế chỉ chấm dứt từ thời điểm hoàn tất việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu đối với tài sản ủy thác, bàn giao đầy đủ tài sản, tài liệu chứng minh quyền sở hữu, chứng từ, sổ sách, thông tin về tài sản ủy thác, quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ cho công ty quản lý quỹ thay thế. Việc chuyển giao tài sản phải được hoàn tất trong thời hạn sáu (06) tháng kể từ ngày Đại hội Nhà đầu tư thông qua quyết định thay thế công ty quản lý quỹ.
- d. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc bàn giao, công ty quản lý quỹ thay thế gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước biên bản bàn giao trách nhiệm và tài sản giữa hai công ty quản lý quỹ. Biên bản phải được Ban đại diện quỹ và ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát xác nhận.
- e. Công ty quản lý quỹ bị thay thế phải hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với các nghĩa vụ nợ, tài sản đối với Quỹ mà chưa bàn giao đầy đủ cho công ty quản lý quỹ thay thế. Trong trường hợp này, công ty quản lý quỹ bị thay thế chịu trách nhiệm giải quyết và khắc phục những hệ quả phát sinh trong thời hạn năm (05) năm kể từ khi hoàn tất việc bàn giao tài sản cho công ty quản lý quỹ thay thế theo quy định tại điểm d.
- f. Quỹ phải chịu toàn bộ chi phí liên quan tới việc thay thế công ty quản lý quỹ trong trường hợp quy định tại tiết i điểm a. Các trường hợp khác thực hiện theo thỏa thuận giữa hai bên.

1.10.4 Hạn chế hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ

- a. Công ty Quản lý Quỹ không được là Người có Liên quan hoặc có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với Ngân hàng Giám sát của Quỹ. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành, nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ không được làm việc ở các bộ phận cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ tại các ngân hàng này và ngược lại.
- b. Công ty quản lý Quỹ, Người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ được tham gia góp vốn thành lập, đầu tư vào quỹ, công ty đầu tư chứng khoán mà Công ty Quản lý Quỹ đang quản lý.
- c. Công ty Quản lý Quỹ, công ty mẹ, công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành, nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ chỉ được là đối tác mua, bán các tài sản trong danh mục của Quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ.
- d. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành, nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ không được phép yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận, dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa của Công ty Quản lý Quỹ, bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào trừ các khoản phí/ giá dịch vụ đã được quy định tại Điều lệ Quỹ.
- e. Trong hoạt động quản lý tài sản ủy thác, Công ty Quản lý Quỹ đảm bảo;
 - i. Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chính Quỹ;
 - ii. Không được sử dụng tài sản của khách hàng ủy thác quản lý danh mục, quỹ, công ty đầu tư chứng khoán do mình quản lý để đầu tư vào Quỹ, ngoại trừ khách hàng ủy thác

quản lý danh mục chỉ định đầu tư, khách hàng ủy thác là cá nhân nước ngoài, tổ chức được thành lập theo pháp luật nước ngoài, doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài, quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện và các khách hàng này đã chấp thuận cho phép thực hiện các giao dịch nêu trên.

- iii. Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chính công ty quản lý quỹ, không đầu tư vào tổ chức là người có liên quan của công ty quản lý quỹ; không đầu tư vào tổ chức mà thành viên hội đồng quản trị, thành viên Ban điều hành, nhân viên của công ty là cổ đông hoặc thành viên sở hữu trên mười phần trăm (10%) vốn điều lệ;
- iv. Không được sử dụng tài sản của Quỹ để cho vay dưới mọi hình thức, bảo lãnh cho các khoản vay dưới mọi hình thức hoặc thanh toán các nghĩa vụ nợ của Công ty Quản lý Quỹ, Người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức, cá nhân khác.
- v. Việc đầu tư tài sản của Quỹ vào chứng khoán phái sinh phải tuân thủ quy định của pháp luật về quỹ đầu tư chứng khoán.
- vi. Không được thực hiện các giao dịch nhằm làm giảm lợi nhuận của Quỹ để làm tăng lợi nhuận của một khách hàng ủy thác khác và ngược lại; không được giao kết hợp đồng, thực hiện giao dịch với các điều khoản bất lợi cho Quỹ.
- f. Công ty Quản lý Quỹ không được ủy quyền, thuê ngoài các tổ chức tại Việt Nam để cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.
- g. Các hạn chế khác theo quy định của pháp luật về tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ.

1.11 Tiêu chí lựa chọn, quyền hạn và trách nhiệm của Ngân hàng giám sát

1.11.1 Tiêu chuẩn lựa chọn ngân hàng giám sát

Ngân hàng Giám sát được lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện sau:

- a. Là ngân hàng thương mại, có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, có chức năng thực hiện các dịch vụ lưu ký và giám sát việc quản lý quỹ đại chúng;
- b. Đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.
- c. Phải hoàn toàn độc lập và tách biệt với Công ty Quản lý Quỹ mà ngân hàng cung cấp dịch vụ giám sát.

1.11.2 Trách nhiệm, quyền hạn của Ngân hàng giám sát

a. Ngân hàng Giám sát có nghĩa vụ:

- i. Luôn luôn hành động vì lợi ích tốt nhất của các Nhà đầu tư Quỹ;
- ii. Chịu trách nhiệm đối với những tổn thất gây ra cho Quỹ do những sai sót của Ngân hàng;
- iii. Đảm bảo thực hiện giám sát hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ trong việc quản lý tài sản Quỹ theo quy định tại Luật chứng khoán, các quy định có liên quan và Điều lệ quỹ;
- iv. Cung cấp các dịch vụ giám sát, lưu ký tài sản của Quỹ theo đúng quy định của pháp luật liên quan, Hợp đồng giám sát và Điều lệ Quỹ;

- v. Quản lý và lưu ký tách bạch tài sản của Quỹ với tài sản của Công ty Quản lý Quỹ, tài sản của các quỹ khác, tài sản của khách hàng khác của Ngân hàng Giám sát và tài sản của chính Ngân hàng Giám sát;
- vi. Đảm bảo và hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với tài sản của Quỹ khi ủy thác cho tổ chức lưu ký phụ;
- vii. Giám sát hoặc tính toán Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ phù hợp với các quy định pháp luật và Điều lệ Quỹ, đảm bảo việc tính toán Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ là chính xác;
- viii. Xử lý các giao dịch về chứng khoán phù hợp với chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát có thể từ chối những chỉ thị đó nếu Ngân hàng Giám sát có cơ sở để tin rằng những chỉ thị này là không hợp pháp hoặc không phù hợp với Điều lệ quỹ. Việc từ chối phải được gửi bằng văn bản đến Công ty Quản lý Quỹ và nêu rõ lý do, bản sao gửi đến UBCKNN;
- ix. Thực hiện đối chiếu thường xuyên tài sản của Quỹ với Công ty Quản lý Quỹ;
- x. Thanh toán những khoản chi phí hợp lý, hợp lệ của Quỹ theo chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ, đảm bảo những khoản chi phí đó phù hợp với các quy định pháp luật và các điều khoản của Điều lệ quỹ;
- xi. Thanh toán tiền cho Nhà đầu tư của Quỹ khi Công ty Quản lý Quỹ thực hiện việc mua lại chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư, hoặc khi Quỹ phân phối thu nhập hoặc khi Quỹ thanh lý, giải thể thanh toán cho Nhà đầu tư và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ theo đúng chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ, đảm bảo rằng những khoản thanh toán được thực hiện phù hợp với các điều khoản của Điều lệ;
- xii. Ngân hàng Giám sát phải tuân thủ mọi cam kết tại Phụ lục 2 và Phụ lục 3 Điều lệ Quỹ và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật Việt Nam.

b. Ngân hàng Giám sát có quyền:

- i. Hưởng các loại phí/ giá dịch vụ cho dịch vụ lưu ký và giám sát tài sản Quỹ theo quy định của Điều lệ Quỹ và Hợp đồng Giám sát nhưng không được nhận bất kỳ một lợi ích nào khác cho mình hoặc cho các bên thứ ba;
- ii. Được tham gia các cuộc họp của Ban Đại diện Quỹ và Đại hội Nhà đầu tư nhưng không được quyền biểu quyết;
- iii. Được quyền yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác những thông tin cần thiết liên quan đến hoạt động quản lý tài sản của Quỹ để đảm bảo rằng Ngân hàng Giám sát có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ và Công ty Quản lý Quỹ theo các quy định của Hợp đồng Giám sát, Điều lệ Quỹ và các quy định khác của pháp luật.

1.11.3 Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Ngân hàng giám sát

- a. Ngân hàng Giám sát chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
 - i. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán theo quy định tại khoản 2 Điều 60 Luật Chứng khoán; hoặc
 - ii. Đơn phương chấm dứt hợp đồng giám sát; hoặc

- iii. Quỹ hết thời gian hoạt động; bị giải thể, bị chia, bị hợp nhất, bị sáp nhập; hoặc
 - iv. Theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư; hoặc
 - v. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Hợp đồng Giám sát.
- b. Trong trường hợp quy định tại điểm a, quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của ngân hàng giám sát được chuyển giao cho một ngân hàng giám sát khác theo quy định của pháp luật.
 - c. Trường hợp thay đổi ngân hàng giám sát, Quỹ thông qua Công ty Quản lý Quỹ báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ. Quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân hàng giám sát chỉ chấm dứt tại thời điểm khi đã hoàn tất việc bàn giao quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ cho ngân hàng giám sát thay thế. Ngân hàng giám sát thay thế phải lập và gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước biên bản bàn giao giữa hai ngân hàng giám sát có xác nhận của Công ty Quản lý Quỹ và Ban đại diện quỹ.
 - d. Trường hợp Ngân hàng Giám sát chuyển đổi tư cách pháp nhân, ngân hàng mới kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ đối với tài sản được lưu ký, giám sát tại ngân hàng cũ.

1.12 Kiểm toán, kế toán và chế độ báo cáo

1.12.1 Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công ty Kiểm toán

- a. Việc lựa chọn tổ chức kiểm toán hàng năm cho Quỹ sẽ do Đại hội Nhà đầu tư quyết định. Trong trường hợp Đại hội Nhà đầu tư ủy quyền, Ban đại diện Quỹ sẽ quyết định trên cơ sở đề xuất của Công ty Quản lý Quỹ.
- b. Công ty Kiểm toán được lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện sau:
 - i. Được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam;
 - ii. Nằm trong danh sách các tổ chức kiểm toán được UBCKNN chấp thuận hàng năm về việc kiểm toán cho các đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán;
 - iii. Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ kiểm toán cho Quỹ; và
 - iv. Không phải là Người có Liên quan của Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát.
- c. Các báo cáo tài chính sẽ được kiểm toán độc lập hàng năm bởi công ty kiểm toán được lựa chọn. Công ty Kiểm toán được chỉ định phải cam kết bảo mật mọi thông tin về hoạt động đầu tư, các giao dịch và các thông tin khác của Quỹ và Công ty Quản lý Quỹ và không được tiết lộ cho bất kỳ bên thứ ba nào, hoặc sử dụng cho bất kỳ mục đích nào ngoài việc thực hiện các nghĩa vụ của Công ty Kiểm toán theo hợp đồng kiểm toán và Điều lệ Quỹ, bất kỳ thông tin nào liên quan đến tình hình tài chính và hoạt động của Quỹ mà Công ty Kiểm toán nhận được hoặc biết được qua quá trình thực hiện chức năng là Công ty Kiểm toán, trừ trường hợp theo yêu cầu của pháp luật và/hoặc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam.

1.12.2 Năm Tài chính

- a. Một năm tài chính ("Năm Tài chính") có thời hạn là mười hai (12) tháng và được tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 của mỗi năm dương lịch. Năm Tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.
- b. Trường hợp thời gian từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó ngắn hơn chín mươi (90) ngày thì kỳ kế toán đầu tiên được tính từ ngày Quỹ được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm tiếp theo.

1.12.3 Chế độ kế toán

Quỹ sẽ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam (VAS) và tuân thủ các quy định khác liên quan tới công tác kế toán cho Quỹ do các cơ quan có thẩm quyền quy định.

1.12.4 Báo cáo tài chính

- a. Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm chuẩn bị các báo cáo tài chính về kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của Quỹ và các báo cáo cần thiết khác để tường trình hoạt động của Quỹ theo quy định của pháp luật.
- b. Báo cáo tài chính năm sẽ được kiểm toán hàng năm, báo cáo tài chính bán niên sẽ được soát xét bán niên bởi một Công ty Kiểm toán độc lập.
- c. Bản sao của các báo cáo kiểm toán của Quỹ phải được gửi đến UBCKNN, Ngân hàng Giám sát, Ban Đại diện Quỹ và công bố công khai trên website của công ty quản lý quỹ để Nhà đầu tư có thể tham khảo.
- d. Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ các quy định của pháp luật về báo cáo tài chính.

1.12.5 Báo cáo khác

Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam về chế độ báo cáo và công bố thông tin liên quan đến hoạt động của Quỹ.



